

PHỤ LỤC I
DANH SÁCH NGƯỜI HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH
(Kèm theo công văn số: 706 ngày 5 tháng 11 năm 2024)

1. Bác sĩ với phạm vi hành nghề Y khoa:

STT	Họ và tên	Chức danh CM	Số năm công tác	Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Vị trí chuyên môn
1.	Lương Đức Sơn	ThS. BSKKII	31 năm	001942/TB-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nhi	Khoa HSTC
2.	Đỗ Mạnh Dũng	BSCKII	16 năm	000049/TB-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nhi; Thực hiện kỹ thuật Điện não, Lưu huyết não	Khoa Truyền nhiễm
3.	Vũ Thanh Liêm	BSCKII	21 năm	000017/TB-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nhi	Khoa Cấp cứu - Chống độc
4.	Trần Trọng Kiểm	BSCKII	20 năm	001956/TB-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nhi; Nội soi tiêu hóa	Khoa Tiêu Hóa
5.	Hoàng Tiến Thành	BSCKII	14 năm	001945/TB-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nhi; Nội soi phế quản	Khoa HSTC
6.	Trần Thị Thu	ThS.BS	10 năm	0005335/TB-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nhi	Khoa HSTC
7.	Đỗ Khắc Toán	BS	6 năm	008463/TB-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nhi	Khoa HSTC
8.	Phạm Thế Hiền	BS	5 năm	009163/TB-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nhi	Khoa HSTC
9.	Vũ Hồng Nhạn	BS	5 năm	009182/TB-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nhi	Khoa HSTC

STT	Họ và tên	Chức danh CM	Số năm công tác	Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Vị trí chuyên môn
10.	Khúc Văn Lập	BSCCKII	20 năm	000847/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nhi	Khoa HSTC
11.	Nguyễn Tiến Đạt	BS	4 năm	009760/TB-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nhi	Khoa HSTC
12.	Ninh Quốc Đạt	TS	12 năm	046107BYT-CCHN	Nhi khoa	Nhi khoa
13.	Nguyễn Thị Hương Mai	TS	18 năm	0009831BYT-CCHN	Nhi khoa	Nhi khoa
14.	Nguyễn Thị Phương Thanh	BSCCKI	12 năm	0003376/TB-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nhi	Khoa Cấp cứu - Chống độc
15.	Đặng Thị Thùy Dương	ThS.BS	12 năm	0005351/TB-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa; Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa nhi; Bệnh viện cho phép thực hiện kỹ thuật: Nội soi phế quản	Khoa Cấp cứu - Chống độc
16.	Nguyễn Thị Lan Anh	ThS.BS	5 năm	007003/TB-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nhi; Chẩn đoán và điều trị một số bệnh lý thần kinh trẻ em	Khoa Cấp cứu - Chống độc
17.	Đoàn Duy Khánh	ThS.BS	7 năm	006569/TB-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa; Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nhi	Khoa Cấp cứu - Chống độc
18.	Phạm Thị Thảo	BS	6 năm	007888/TB-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa; Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nhi	Khoa Cấp cứu - Chống độc
19.	Phạm Thị Phương Thảo	BS	4 năm	009640/TB-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nhi	Khoa Cấp cứu - Chống độc
20.	Trịnh Công Hà	BS	5 năm	009214/TB-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nhi	Khoa Cấp cứu - Chống độc

STT	Họ và tên	Chức danh CM	Số năm công tác	Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Vị trí chuyên môn
21.	Lê Thị Quỳnh	BS	3 năm	009973/TB-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nhi	Khoa Cấp cứu - Chống độc
22.	Phạm Thị Ngọc Anh	BS	3 năm	009974/TB-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nhi	Khoa Cấp cứu - Chống độc
23.	Lê Thanh Hà	BS	3 năm	009977/TB-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nhi	Khoa Cấp cứu - Chống độc
24.	Hoàng Kim Lâm	TS.BS	12 năm	0024758/BYT-CCHN	Nhi khoa	Nhi khoa
25.	Đỗ Phương Thảo	TS.BS	7 năm	031765/BYT-CCHN	Nhi khoa	Nhi khoa
26.	Nguyễn Đức Thành	BS.CKII	15 năm	001981/TB-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại; Ngoại Nhi, phẫu thuật thần kinh; Ngoại – Tim mạch – Mạch máu; Bệnh viện cho phép thực hiện: Phẫu thuật nội soi	Khoa Ngoại - CT
27.	Đàm Quang Tường	ThS.BS	15 năm	001980/TB-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại; Bệnh viện cho phép thực hiện: Phẫu thuật nội soi	Khoa Ngoại - CT
28.	Vũ Ngọc Hạnh	ThS.BS	15 năm	001982/TB-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại; Ngoại Chính hình nhi	Khoa Ngoại - CT
29.	Nguyễn Thị Mai Phương	ThS.BS	10 năm	0005350/TB-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa; Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại nhi; Bệnh viện cho phép thực hiện: Phẫu thuật nội soi	Khoa Ngoại - CT

STT	Họ và tên	Chức danh CM	Số năm công tác	Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Vị trí chuyên môn
30.	Bùi Vũ Trung	ThS.BS	10 năm	0005352/TB-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại Nhi; Chấn thương bỏng; Bệnh viện cho phép thực hiện: Phẫu thuật nội soi	Khoa Ngoại - CT
31.	Nguyễn Văn Hoạch	BSCKI	8 năm	0003159/HY-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại; Bệnh viện cho phép thực hiện: Phẫu thuật nội soi; Chẩn đoán tế bào học và mô bệnh học	Khoa Ngoại - CT
32.	Vũ Thị Khải Hường	BS	4 năm	009459/TB-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nhi	Khoa Ngoại - CT
33.	Giang Mạnh Hùng	BSCKI	7 năm	008482/TB-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại	Khoa Ngoại - CT
34.	Nguyễn Văn Chiến	BS	5 năm	009175/TB-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại; Bệnh viện cho phép thực hiện: Phẫu thuật thần kinh nhi cơ bản	Khoa Ngoại - CT
35.	Phan Thành Minh	BS	3 năm	009738/TB-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại	Khoa Ngoại - CT
36.	Nguyễn Quang Anh	BS	3 năm	010103/TB-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh Ngoại khoa	Khoa Ngoại - CT
37.	Trịnh Thành Vinh	BSCKII	14 năm	0028001/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại	Khoa Ngoại - CT
38.	Nguyễn Thành Luân	ThS.BS	9 năm	008035/TB-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại	Khoa Ngoại - CT
39.	Phạm Thị Hương	ThS.BS CKII	16 năm	002055/TB-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nhi; Bệnh viện cho phép	Khoa Thận - Tiết niệu

STT	Họ và tên	Chức danh CM	Số năm công tác	Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Vị trí chuyên môn
					thực hiện: Thực hiện kỹ thuật và đọc kết quả Điện não, Lưu huyết não	- Thần kinh
40.	Vũ Quý Ninh	BSCKI	35 năm	001971/TB-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nhi	Khoa Thận - Tiết niệu - Thần kinh
41.	Lê Văn Giang	BSCKI	10 năm	0005332/TB-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nhi; Thực hiện kỹ thuật Điện não, Lưu huyết não; Bệnh lý thần kinh ở trẻ em	Khoa Thận - Tiết niệu - Thần kinh
42.	Trần Thị Huyền	BS	06 năm	008714/TB-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nhi	Khoa Thận - Tiết niệu - Thần kinh
43.	Nguyễn Thị Huệ	BS	06 năm	008572/TB-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nhi; Bệnh viện cho phép thực hiện: Thực hiện kỹ thuật và đọc kết quả Điện não, Lưu huyết não	Khoa Thận - Tiết niệu - Thần kinh
44.	Vũ Huy Hùng	BS	05 năm	009150/TB-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nhi Ung thư cơ bản	Khoa Thận - Tiết niệu - Thần kinh
45.	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	BS	03 năm	009948/TB-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nhi Bệnh viện cho phép thực hiện: Thực hiện kỹ thuật và đọc kết quả Điện não, Lưu huyết não	Khoa Thận - Tiết niệu - Thần kinh

STT	Họ và tên	Chức danh CM	Số năm công tác	Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Vị trí chuyên môn
46.	Nguyễn Thị Thu Hà	BS	03 năm	010111/TB-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa nhi -Nội tiết nhi khoa cơ bản	Khoa Thận - Tiết niệu - Thần kinh
47.	Trương Thị Phương Mai	ThS.BS	15 năm	0010022/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nhi	Khoa Thận - Tiết niệu - Thần kinh
48.	Đoàn Thị Ngọc Hoa	ThS.BS	14 năm	0010027/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nhi	Khoa Thận - Tiết niệu - Thần kinh
49.	Nguyễn Thị Thanh Mai	TS.BS	29 năm	000305/BYT-CCHN	Nhi khoa	Nhi khoa
50.	Vũ Thị Thom	BSCKI	14 năm	001959/TB-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nhi; Nội soi tiêu hóa và can thiệp	Khoa Tiêu Hóa
51.	Nguyễn Ngọc Hà	ThS.BS	8 năm	007002/TB-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nhi.	Khoa HSTC
52.	Phạm Thùy Giang	BS	6 năm	007959/TB-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa; Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nhi	Khoa Tiêu Hóa
53.	Phạm Thị Hường	BS	5 năm	009183/TB-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nhi	Khoa Tiêu Hóa
54.	Vũ Anh Thư	BS	4 năm	009671/TB-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nhi	Khoa Tiêu Hóa
55.	Trần Phương Anh	BS	3 năm	009753/TB-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nhi	Khoa Tiêu Hóa
56.	Nguyễn Thị Thùy Dương	ThS.BS	16 năm	0010026/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nhi	Khoa Tiêu Hóa



STT	Họ và tên	Chức danh CM	Số năm công tác	Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Vị trí chuyên môn
57.	Nguyễn Đức Tâm	ThS.BS	8 năm	0010028/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nhi; Bệnh viện cho phép thực hiện kỹ thuật: Nội soi tiêu hóa	Khoa Tiêu Hóa
58.	Trần Thị Nết	ThS.BS	15 năm	000782/TB-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nhi	Khoa Tiêu Hóa
59.	Phạm Thị Nhu	BSCKII	14 năm	1960/TB-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nhi; Khám bệnh, chữa bệnh, tư vấn dinh dưỡng	Nhi khoa
60.	Nguyễn Thị Diệu Thúy	PGS.TS	26 năm	036191/BYT-CCHN	Nhi khoa	Nhi khoa
61.	Nguyễn Thị Việt Hà	PGS.TS	20 năm		Nhi khoa	Nhi khoa
62.	Nguyễn Thanh Tâm	ThS.BS	16 năm	001952/TB-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nhi	Khoa Sơ sinh
63.	Tô Minh Mạnh	ThS.BS	15 năm	0010019/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nhi; Bệnh viện cho phép thực hiện kỹ thuật: Nội soi phế quản	Khoa Sơ sinh
64.	Phạm Thị Thu Huyền	ThS.BS	8 năm	007213/TB-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nhi	Khoa Sơ sinh
65.	Vũ Thị Huyền	ThS.BS	9 năm	007000/TB-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nhi	Khoa Sơ sinh
66.	Trần Diệu Thúy	BS	11 năm	0002752/HNA-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nhi	Khoa Sơ sinh
67.	Trần Thị Phương Huyền	BSĐK	4 năm	009276/TB-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nhi	Khoa Sơ sinh
68.	Vũ Thị Hà	BSĐK	3 năm	010486/TB-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nhi	Khoa Sơ sinh

STT	Họ và tên	Chức danh CM	Số năm công tác	Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Vị trí chuyên môn
69.	Trần Quý	ThS.BS	17 năm	001950/TB-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nhi; Nội soi phế quản	Khoa Hô hấp
70.	Vũ Thị Nguyệt	BSCKI	16 năm	001953/TB-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nhi; Phục hồi chức năng hô hấp	Khoa Hô hấp
71.	Bùi Thu Trang	BSCKI	7 năm	007886/TB-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa; Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nhi	Khoa Hô hấp
72.	Bùi Thị Yên	BS	7 năm	007951/TB-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa; Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nhi	Khoa Hô hấp
73.	Đặng Văn Đạt	BS		008928/TB-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nhi	Khoa Hô hấp
74.	Vũ Thị Mai Hoa	BS	3 năm	0010003/TB-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nhi	Khoa Hô hấp
75.	Lương Thị Thuyết	ThS.BS	12 năm	0010024/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nhi	Khoa Hô hấp
76.	Nguyễn Thị Thuý Hồng	TS	17 năm	000188/BYT-CCHN	Nhi khoa	Nhi khoa
77.	Nguyễn Thị Quỳnh Nga	TS	17 năm	035170/BYT-CCHN	Nhi khoa	Nhi khoa
78.	Trần Thị Nhẫn	BSCKII	20 năm	001975/TB-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Tai Mũi Họng; Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nhi	Khoa 3 chuyên khoa
79.	Nguyễn Thị Bình	BSCKI	16 năm	001983/TB-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Mắt; Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nhi	Khoa 3 chuyên khoa
80.	Tạ Trung Dũng	BSCKI	14 năm	001978/TB-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nhi; Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Răng hàm mặt	Khoa 3 chuyên khoa

STT	Họ và tên	Chức danh CM	Số năm công tác	Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Vị trí chuyên môn
81.	Nguyễn Như Nga	BSCKI	7 năm	001270/TB-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Tai Mũi Họng	Khoa 3 chuyên khoa
82.	Nguyễn Đức Bình	BS	4 năm	009159/TB-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nhi	Khoa 3 chuyên khoa
83.	Hà Hải Đăng	BS	9 năm	006871/TB-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa ngoại; ngoại tim mạch.	Khoa 3 chuyên khoa
84.	Vũ Thị Phương	ThS.BS	15 năm	001972/TB-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nhi	Khoa Truyền Nhiễm
85.	Hoàng Trung Dũng	BSCKI	11 năm	0005331/TB-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nhi	Khoa Truyền Nhiễm
86.	Vũ Thị Thu	BS	7 năm	007881/TB-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa; Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nhi	Khoa Truyền Nhiễm
87.	Nguyễn Thành Đạt	BS	6 năm	008639/TB-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa; chuyên khoa Nhi	Khoa Truyền Nhiễm
88.	Bùi Thị Phương Thảo	BS	5 năm	009232/TB-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nhi	Khoa Truyền Nhiễm
89.	Vũ Thị Thu Trang	ThS.BS	8 năm	041334/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nhi	Khoa Truyền Nhiễm
90.	Nguyễn Thị Thùy	ThS.BS	14 năm	0010023/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nhi	Khoa Truyền Nhiễm
91.	Đỗ Thanh Hương	TS	14 năm	002221BYT-CCHN	Nhi khoa	Nhi khoa
92.	Ngô Thị Thu Hương	TS	15 năm	0009836BYT-CCHN	Nhi khoa	Nhi khoa
93.	Phí Đức Long	TS.BS	24 năm	000844/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nhi; Siêu âm; Bệnh viện cho phép thực hiện kỹ thuật: Siêu âm tim trẻ em	Khoa Tim mạch

STT	Họ và tên	Chức danh CM	Số năm công tác	Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Vị trí chuyên môn
94.	Nguyễn Mạnh Tường	BS	07 năm	007884/TB-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa; Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nhi Bệnh viện cho phép thực hiện kỹ thuật: Chẩn đoán và điều trị bệnh lý tim mạch trẻ em; Can thiệp tim mạch; Siêu âm tim	Khoa Tim mạch
95.	Lê Ngọc Tuấn	BSCKI	09 năm	007043/TB-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nhi; Bệnh viện cho phép thực hiện: Thực hiện kỹ thuật Can thiệp tim mạch trẻ em	Khoa Tim mạch
96.	Nguyễn Tuấn Đạt	ThS.BS	06 năm	008527/TB-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nhi; Bệnh viện cho phép thực hiện kỹ thuật: Chẩn đoán và điều trị bệnh lý tim mạch trẻ em; Can thiệp tim mạch; Siêu âm tim	Khoa Tim mạch
97.	Phạm Thị Hiên	BS	06 năm	008523/TB-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nhi; Bệnh viện cho phép thực hiện: Thực hiện kỹ thuật và đọc kết quả điện tâm đồ	Khoa Tim mạch
98.	Nguyễn Thị Hoài	BS	04 năm	009754/TB-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nhi; Bệnh viện cho phép thực hiện: Thực hiện kỹ thuật và đọc kết quả điện tâm đồ	Khoa Tim mạch
99.	Đặng Thị Hải Vân	TS	26 năm	0009829BYT-CCHN	Nhi khoa	Nhi khoa

2. Điều dưỡng với phạm vi hành nghề Điều dưỡng:

STT	Họ và tên	Chức danh CM	Số năm công tác	Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Vị trí chuyên môn
1.	Vũ Thị Hạnh	ĐDCKI	17 năm	001987/TB-CCHN	Thực hiện chức năng nhiệm vụ của điều dưỡng; Thực hiện kỹ thuật VLTL, PHCN	Khoa HSTC
2.	Trần Thị Linh	ĐDDH	14 năm	001990/TB-CCHN	Thực hiện chức năng nhiệm vụ của điều dưỡng; Thực hiện kỹ thuật VLTL, PHCN	Khoa HSTC
3.	Đinh Thị Thắm	ĐDCĐ	16 năm	0003401/TB-CCHN	Thực hiện chức năng nhiệm vụ của điều dưỡng	Khoa HSTC
4.	Vũ Thị Sáu	ĐDCĐ	16 năm	0003411/TB-CCHN	Thực hiện chức năng nhiệm vụ của điều dưỡng	Khoa HSTC
5.	Phạm Hồng Nhung	ĐDDH	16 năm	0003402/TB-CCHN	Thực hiện chức năng nhiệm vụ của điều dưỡng	Khoa HSTC
6.	Trần Thu Trang	ĐDCĐ	14 năm	0003381/TB-CCHN	Thực hiện chức năng nhiệm vụ của điều dưỡng	Khoa HSTC
7.	Dương Thị Huyền	ĐDDH	9 năm	008446/TB-CCHN	Thực hiện theo Thông tư số 26/2015/TTLT BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng	Khoa HSTC
8.	Bùi Thị Ngọc Ánh	ĐDDH	7 năm	008386/TB-CCHN	Thực hiện chức năng nhiệm vụ của điều dưỡng	Khoa HSTC
9.	Vũ Hoàng Doãn	ĐDCĐ	7 năm	008688/TB-CCHN	Thực hiện chức năng nhiệm vụ của điều dưỡng	Khoa HSTC
10.	Trần Thị Oanh	ĐDCĐ	6 năm	008474/TB-CCHN	Thực hiện chức năng nhiệm vụ của điều dưỡng	Khoa HSTC
11.	Nguyễn Thị Hằng	ĐDCĐ	7 năm	008385/TB-CCHN	Thực hiện chức năng nhiệm vụ của điều dưỡng	Khoa HSTC

STT	Họ và tên	Chức danh CM	Số năm công tác	Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Vị trí chuyên môn
12.	Phạm Thu Hương	ĐDDH	7 năm	008382/TB-CCHN	Thực hiện chức năng nhiệm vụ của điều dưỡng	Khoa HSTC
13.	Nguyễn Thị Hiếu	ĐDCĐ	4 năm	009659/TB-CCHN	Thực hiện theo Thông tư số 26/2015/TTLT BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	Khoa HSTC
14.	Nguyễn Văn Toàn	ĐDCĐ	8 năm	007476/TB-CCHN	Thực hiện theo Thông tư số 26/2015/TTLT BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng	Khoa HSTC
15.	Nguyễn Tiến Anh	ĐDDH	3 năm	010193/TB-CCHN	Thực hiện theo Thông tư số 26/2015/TTLT BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng	Khoa HSTC
16.	Vũ Duy Huy	ĐDDH	4 năm	009784/TB-CCHN	Thực hiện theo Thông tư số 26/2015/TTLT BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	Khoa HSTC
17.	Trần Văn Đông	ĐDDH	12 năm	0003392/TB-CCHN	Thực hiện theo Thông tư số 26/2015/TTLT BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn	Khoa HSTC

STT	Họ và tên	Chức danh CM	Số năm công tác	Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Vị trí chuyên môn
					chức danh nghề nghiệp điều dưỡng	
18.	Nguyễn Thị Thiên Trang	ĐDCĐ	5 năm	007799/TB-CCHN	Thực hiện theo Thông tư số 26/2015/TTLT BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng	Khoa Ngoại - CT
19.	Vũ Thanh Ngân	ĐDCĐ	5 năm	009078/TB-CCHN	Thực hiện theo Thông tư số 26/2015/TTLT BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng	Khoa Ngoại - CT
20.	Nguyễn Thị Kim Oanh	ĐDCĐ	5 năm	009102/TB-CCHN	Thực hiện theo Thông tư số 26/2015/TTLT BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng	Khoa Ngoại - CT
21.	Bùi Đăng Quang	ĐDCĐ	3 năm	005697/TB-CCHN	Thực hiện theo Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y.	Khoa Ngoại - CT
22.	Phạm Thị Thơ	ĐDCĐ	5 năm	009031/TB-CCHN	Thực hiện chức năng nhiệm vụ của điều dưỡng	Khoa Ngoại - CT
23.	Trần Thị Hòa	ĐDDH	19 năm	001994/TB-CCHN	Thực hiện chức năng nhiệm vụ của điều dưỡng	Khoa Cấp cứu - Chống độc

4

STT	Họ và tên	Chức danh CM	Số năm công tác	Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Vị trí chuyên môn
24.	Trần Thị Hào	ĐDCĐ	16 năm	001991/TB-CCHN	Thực hiện chức năng nhiệm vụ của điều dưỡng	Khoa Cấp cứu - Chống độc
25.	Đỗ Thị Quỳnh Nga	ĐDDH	17 năm	001997/TB-CCHN	Thực hiện chức năng nhiệm vụ của điều dưỡng	Khoa Cấp cứu - Chống độc
26.	Nguyễn Văn Đạt	ĐDDH	12 năm	0003387/TB-CCHN	Thực hiện chức năng nhiệm vụ của điều dưỡng	Khoa Cấp cứu - Chống độc
27.	Đỗ Thị Phương	ĐDDH	11 năm	0005340/TB-CCHN	Thực hiện chức năng nhiệm vụ của điều dưỡng	Khoa Cấp cứu - Chống độc
28.	Nguyễn Mạnh Hùng	ĐDCĐ	9 năm	006969/TB-CCHN	Thực hiện chức năng nhiệm vụ của điều dưỡng; Bệnh viện cho phép thực hiện: Thực hiện kỹ thuật vật lý trị liệu, phục hồi chức năng	Khoa Cấp cứu - Chống độc
29.	Hoàng Thị Hoa	ĐDCĐ	8 năm	006964/TB-CCHN	Thực hiện chức năng nhiệm vụ của điều dưỡng	Khoa Cấp cứu - Chống độc
30.	Đặng Thị Hồng	ĐDCĐ	7 năm	006965/TB-CCHN	Thực hiện chức năng nhiệm vụ của điều dưỡng	Khoa Cấp cứu - Chống độc
31.	Lại Thị Hương	ĐDCĐ	7 năm	006994/TB-CCHN	Thực hiện chức năng nhiệm vụ của điều dưỡng	Khoa Cấp cứu - Chống độc
32.	Lộ Thị Xuân	ĐDCĐ	5 năm	008471/TB-CCHN	Thực hiện chức năng nhiệm vụ của điều dưỡng	Khoa Cấp cứu - Chống độc
33.	Hà Thị Bắc	ĐDDH	19 năm	002028/TB-CCHN	Thực hiện chức năng nhiệm vụ của điều dưỡng	Khoa Cấp cứu

STT	Họ và tên	Chức danh CM	Số năm công tác	Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Vị trí chuyên môn
						- Chống độc
34.	Vũ Thị Hằng	ĐDCĐ	6 năm	008016/TB-CCHN	Thực hiện chức năng nhiệm vụ của điều dưỡng	Khoa Cấp cứu - Chống độc
35.	Vũ Thị Thanh Huyền	ĐDCĐ	5 năm	009013/TB-CCHN	Thực hiện chức năng nhiệm vụ của điều dưỡng	Khoa Dinh dưỡng
36.	Nguyễn Thị Sinh	ĐDCĐ	4 năm	009811/TB-CCHN	Thực hiện theo Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BVN ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	Nội nhi tổng hợp
37.	Nguyễn Thị Hương Giang	ĐDCĐ	7 năm	010127/TB-CCHN	Thực hiện theo Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BVN ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	Khoa Cấp cứu - Chống độc
38.	Phan Thị Lan Anh	ĐDCĐ	8 năm	007174/TB-CCHN	Thực hiện chức năng nhiệm vụ của điều dưỡng	Khoa Khám bệnh
39.	Nguyễn Thị Xen	ĐDCĐ	5 năm	008529/TB-CCHN	Thực hiện chức năng nhiệm vụ của điều dưỡng	Khoa Cấp cứu - Chống độc
40.	Bùi Thị Nhung	ĐDCKI	15 năm	002022/TB-CCHN	Thực hiện chức năng nhiệm vụ của điều dưỡng	Khoa Thận - Tiết niệu - Thần kinh
41.	Bùi Thị Kim Lan	ĐDCĐ	17 năm	002017/TB-CCHN	Thực hiện chức năng nhiệm vụ của điều dưỡng; Thực hiện kỹ	Khoa Thận - Tiết niệu

A

STT	Họ và tên	Chức danh CM	Số năm công tác	Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Vị trí chuyên môn
					thuật Điện não, lưu huyết não	- Thần kinh
42.	Đỗ Thị Lan	ĐDCĐ	20 năm	002018/TB-CCHN	Thực hiện chức năng nhiệm vụ của điều dưỡng	Khoa Thận - Tiết niệu - Thần kinh
43.	Đặng Thị Tho	ĐDDH	10 năm	0005341/TB-CCHN	Thực hiện chức năng nhiệm vụ của điều dưỡng	Khoa Thận - Tiết niệu - Thần kinh
44.	Lê Thị Dinh	ĐDCĐ	19 năm	002021/TB-CCHN	Thực hiện chức năng nhiệm vụ của điều dưỡng	Khoa Thận - Tiết niệu - Thần kinh
45.	Nguyễn Thị Khánh Chi	ĐDDH	15 năm	002012/TB-CCHN	Thực hiện chức năng nhiệm vụ của điều dưỡng	Khoa Thận - Tiết niệu - Thần kinh
46.	Nguyễn Thị Xuân	ĐDDH	16 năm	002003/TB-CCHN	Thực hiện chức năng nhiệm vụ của điều dưỡng	Khoa Thận - Tiết niệu - Thần kinh
47.	Hoàng Thị Liên	ĐDCĐ	17 năm	0005344/TB-CCHN	Thực hiện chức năng nhiệm vụ của điều dưỡng	Khoa Thận - Tiết niệu - Thần kinh
48.	Hà Thị Huế	ĐDCĐ	16 năm	002020/TB-CCHN	Thực hiện chức năng nhiệm vụ của điều dưỡng	Khoa Thận - Tiết niệu - Thần kinh
49.	Đặng Thị Hoa	ĐDCĐ	14 năm	0003398/TB-CCHN	Thực hiện chức năng nhiệm vụ của điều dưỡng; Thực hiện kỹ thuật Điện não, lưu huyết não	Khoa Thận - Tiết niệu - Thần kinh

4

STT	Họ và tên	Chức danh CM	Số năm công tác	Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Vị trí chuyên môn
50.	Đặng Thị Hòa	ĐDDH	16 năm	0003394/TB-CCHN	Thực hiện chức năng nhiệm vụ của điều dưỡng	Khoa Thận - Tiết niệu - Thần kinh
51.	Đặng Thị Nguyệt	ĐDCĐ	08 năm	006948/TB-CCHN	Thực hiện chức năng nhiệm vụ của điều dưỡng	Khoa Thận - Tiết niệu - Thần kinh
52.	Lương Thị Thảo	ĐDCKI Nhi	22 năm	002007/TB-CCHN	Thực hiện chức năng nhiệm vụ của điều dưỡng	Khoa Tiêu Hóa
53.	Phạm Bá Kinh	ĐDDH	15 năm	0003400/TB-CCHN	Thực hiện chức năng nhiệm vụ của điều dưỡng; Thực hiện kỹ thuật VLTL, PHCN, Nội soi tiêu hóa, Nội soi phế quản.	Khoa Tiêu Hóa
54.	Nguyễn Thị Thủy	ĐDCĐ	15 năm	0003384/TB-CCHN	Thực hiện chức năng nhiệm vụ của điều dưỡng	Khoa Tiêu Hóa
55.	Đoàn Trung Dũng	ĐDDH	15 năm	002000/TB-CCHN	Thực hiện chức năng nhiệm vụ của điều dưỡng	Khoa Tiêu Hóa
56.	Bùi Thị Huyền Trang	ĐDCĐ	16 năm	002005/TB-CCHN	Thực hiện chức năng nhiệm vụ của điều dưỡng	Khoa Tiêu Hóa
57.	Trần Thị Hạnh	ĐDCĐ	15 năm	002014/TB-CCHN	Thực hiện chức năng nhiệm vụ của điều dưỡng Nội soi tiêu hóa	Khoa Tiêu Hóa
58.	Hoàng Thị Nhật Minh	ĐDCĐ	15 năm	0003391/TB-CCHN	Thực hiện chức năng nhiệm vụ của điều dưỡng	Khoa Tiêu Hóa
59.	Khúc Thị Hồng Diệu	ĐDCĐ	12 năm	0003406/TB-CCHN	Thực hiện chức năng nhiệm vụ của điều dưỡng	Khoa Tiêu Hóa
60.	Phí Thị Hà	ĐDCĐ	7 năm	007460/TB-CCHN	Thực hiện chức năng nhiệm vụ của điều dưỡng	Khoa Tiêu Hóa

STT	Họ và tên	Chức danh CM	Số năm công tác	Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Vị trí chuyên môn
61.	Hoàng Xuân Tuyên	ĐDCĐ	7 năm	007461/TB-CCHN	Thực hiện chức năng nhiệm vụ của điều dưỡng	Khoa Tiêu Hóa
62.	Lê Ngọc Lâm	ĐDCĐ	5 năm	008907/TB-CCHN	Thực hiện chức năng nhiệm vụ của điều dưỡng	Khoa Tiêu Hóa
63.	Trần Công Dương	ĐDDH	18 năm	002023/TB-CCHN	Thực hiện chức năng nhiệm vụ của Điều dưỡng	Khoa Sơ sinh
64.	Phạm Thị Trang Nhung	ĐDDH	15 năm	002015/TB-CCHN	Thực hiện chức năng nhiệm vụ của Điều dưỡng	Khoa Sơ sinh
65.	Lại Thị Nguyệt	NHSCĐ	16 năm	002048/TB-CCHN	Thực hiện chức năng nhiệm vụ của Điều dưỡng, Nữ HS	Khoa Sơ sinh
66.	Bùi Thị Huyền	ĐDDH	15 năm	0003382/TB-CCHN	Thực hiện chức năng nhiệm vụ của Điều dưỡng	Khoa Sơ sinh
67.	Phạm Thị Ngọc Lệ	ĐDDH	19 năm	0003380/TB-CCHN	Thực hiện chức năng nhiệm vụ của Điều dưỡng	Khoa Sơ sinh
68.	Hà Thị Mơ	ĐDCĐ	15 năm	0003388/TB-CCHN	Thực hiện chức năng nhiệm vụ của Điều dưỡng	Khoa Sơ sinh
69.	Vũ Thị Thương	ĐDDH	10 năm	0005337/TB-CCHN	Thực hiện chức năng nhiệm vụ của Điều dưỡng	Khoa Sơ sinh
70.	Hà Thị Nga	ĐDDH	12 năm	003390/TB-CCHN	Thực hiện chức năng nhiệm vụ của Điều dưỡng	Khoa Sơ sinh
71.	Nguyễn Thị Thanh Thúy	ĐDDH	6 năm	007512/TB-CCHN	Thực hiện chức năng nhiệm vụ của Điều dưỡng	Khoa Sơ sinh
72.	Tạ Thị Là	ĐDCĐ	16 năm	001995/TB-CCHN	Thực hiện chức năng nhiệm vụ của Điều dưỡng	Khoa Sơ sinh
73.	Lê Thị Mùi	ĐDDH	12 năm	0003408/TB-CCHN	Thực hiện chức năng nhiệm vụ của Điều dưỡng	Khoa Sơ sinh
74.	Nguyễn Thị Hà	ĐDCKI	25 năm	001996/TB-CCHN	Thực hiện chức năng nhiệm vụ của điều	Khoa Hô hấp

STT	Họ và tên	Chức danh CM	Số năm công tác	Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Vị trí chuyên môn
					dưỡng; Thực hiện kỹ thuật VLTL, PHCN	
75.	Vũ Thị Thương	ĐDDH	10 năm	0005339/TB-CCHN	Thực hiện chức năng nhiệm vụ của điều dưỡng	Khoa Hô hấp
76.	Đào Thị Miên	ĐDCĐ	16 năm	001998/TB-CCHN	Thực hiện chức năng nhiệm vụ của điều dưỡng	Khoa Hô hấp
77.	Doãn Thị Thanh	ĐDDH	17 năm	001999/TB-CCHN	Thực hiện chức năng nhiệm vụ của điều dưỡng	Khoa Hô hấp
78.	Nguyễn Thị Bình	ĐDCĐ	20 năm	002013/TB-CCHN	Thực hiện chức năng nhiệm vụ của điều dưỡng	Khoa Hô hấp
79.	Phạm Thị Thu	ĐDCĐ	16 năm	002006/TB-CCHN	Thực hiện chức năng nhiệm vụ của điều dưỡng	Khoa Hô hấp
80.	Hoàng Thị Hồng Nhung	ĐDDH	17 năm	002019/TB-CCHN	Thực hiện chức năng nhiệm vụ của điều dưỡng	Khoa Hô hấp
81.	Đặng Thị Thái	ĐDCĐ	15 năm	0003399/TB-CCHN	Thực hiện chức năng nhiệm vụ của điều dưỡng	Khoa Hô hấp
82.	Trần Thị Ninh	ĐDCĐ	11 năm	0003415/TB-CCHN	Thực hiện chức năng nhiệm vụ của điều dưỡng	Khoa Hô hấp
83.	Nguyễn Thị Liên	ĐDCĐ	11 năm	0003414/TB-CCHN	Thực hiện chức năng nhiệm vụ của điều dưỡng	Khoa Hô hấp
84.	Nguyễn Thị Huế	ĐDCĐ	11 năm	0003386/TB-CCHN	Thực hiện chức năng nhiệm vụ của điều dưỡng	Khoa Hô hấp
85.	Nghiêm Thị Thu Trang	ĐDCĐ	7 năm	008979/TB-CCHN	Thực hiện chức năng nhiệm vụ của điều dưỡng	Khoa Hô hấp
86.	Vũ Thị Chang	ĐDCĐ	6 năm	008587/TB-CCHN	Thực hiện chức năng nhiệm vụ của điều dưỡng	Khoa Hô hấp
87.	Bùi Minh Hằng	ĐDDH	3 Năm	009464/TB-CCHN	Thực hiện theo Thông tư số 26/2015/TTLT BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định	Khoa Hô hấp

STT	Họ và tên	Chức danh CM	Số năm công tác	Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Vị trí chuyên môn
					mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng	
88.	Trần Thị Hoài Thu	ĐDCKI	26 năm	002016/TB-CCHN	Thực hiện chức năng nhiệm vụ của điều dưỡng	Khoa 3 chuyên khoa
89.	Đỗ Thị Thu	ĐDCĐ	16 năm	002037/TB-CCHN	Thực hiện chức năng nhiệm vụ của điều dưỡng	Khoa 3 chuyên khoa
90.	Đỗ Thị Thoa	ĐDCĐ	12 năm	007323/TB-CCHN	Thực hiện chức năng nhiệm vụ của điều dưỡng	Khoa 3 chuyên khoa
91.	Trần Thị Ngọc Anh	ĐDCĐ	7 năm	006946/TB-CCHN	Thực hiện chức năng nhiệm vụ của điều dưỡng	Khoa 3 chuyên khoa
92.	Nguyễn Thị Hà	ĐDCĐ	8 năm	007963/TB-CCHN	Thực hiện chức năng nhiệm vụ của điều dưỡng	Khoa 3 chuyên khoa
93.	Nguyễn Thị Nương	ĐDDH	17 năm	002029/TB-CCHN	Thực hiện chức năng nhiệm vụ của điều dưỡng; thực hiện kỹ thuật RHM	Khoa 3 chuyên khoa
94.	Trần Thị Mừng	ĐDCĐ	6 năm	008017/TB-CCHN	Thực hiện chức năng nhiệm vụ của điều dưỡng	Khoa 3 chuyên khoa
95.	Kim Hải Dung	ĐDDH	15 năm	000277/LCH-CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng (DD chuyên TMH)	Khoa 3 chuyên khoa
96.	Vũ Thị Thanh	ĐDCKI	16 năm	002009/TB-CCHN	Thực hiện chức năng nhiệm vụ của điều dưỡng	Khoa Truyền Nhiễm
97.	Phạm Thị Linh Chi	ĐDDH	16 năm	002024/TB-CCHN	Thực hiện chức năng nhiệm vụ của điều dưỡng	Khoa Truyền Nhiễm

STT	Họ và tên	Chức danh CM	Số năm công tác	Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Vị trí chuyên môn
98.	Vũ Thị Ánh Mai	ĐDCĐ	21 năm	002025/TB-CCHN	Thực hiện chức năng nhiệm vụ của điều dưỡng	Khoa Truyền Nhiễm
99.	Trần Thị Thạo	ĐDCĐ	11 năm	0005345/TB-CCHN	Thực hiện chức năng nhiệm vụ của điều dưỡng	Khoa Truyền Nhiễm
100	Trần Thùy Ninh	ĐDCĐ	16 năm	0003393/TB-CCHN	Thực hiện chức năng nhiệm vụ của điều dưỡng	Khoa Truyền Nhiễm
101	Nguyễn Thị Dung	ĐDCĐ	16 năm	0003396/TB-CCHN	Thực hiện chức năng nhiệm vụ của điều dưỡng	Khoa Truyền Nhiễm
102	Bùi Thị Xuyên	ĐDDH	9 năm	006268/TB-CCHN	Thực hiện chức năng nhiệm vụ của điều dưỡng	Khoa Truyền Nhiễm
103	Khổng Thị Hương	ĐDDH	9 năm	006266/TB-CCHN	Thực hiện chức năng nhiệm vụ của điều dưỡng	Khoa Truyền Nhiễm
104	Nguyễn Thị Hoài	ĐDCĐ	6 năm	009127/TB-CCHN	Thực hiện nhiệm vụ của điều dưỡng	Khoa Truyền Nhiễm
105	Phạm Thị Hồng Duyên	ĐDDH	8 năm	009106/TB-CCHN	Thực hiện theo Thông tư số 26/2015/TTLT BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng	Khoa Truyền Nhiễm
106	Nguyễn Công Hiếu	ĐDCĐ	13 năm	0003385/TB-CCHN	Thực hiện chức năng nhiệm vụ của điều dưỡng; thực hiện kỹ thuật xương bột	Khoa Truyền Nhiễm
107	Lê Thị Phương	ĐDDH	16 năm	001986/TB-CCHN	Thực hiện chức năng nhiệm vụ của điều dưỡng	Khoa Tim mạch
108	Nguyễn Văn Chiêu	ĐDCĐ		0005356/TB-CCHN	Thực hiện chức năng nhiệm vụ của điều dưỡng; Bệnh viện cho phép thực hiện: Phụ giúp bác sỹ can thiệp tim mạch	Khoa Tim mạch

STT	Họ và tên	Chức danh CM	Số năm công tác	Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Vị trí chuyên môn
109	Giang Thị Hồng Nhung	ĐDDH	7 năm	007947/TB-CCHN	Thực hiện chức năng nhiệm vụ của điều dưỡng	Khoa Tim mạch
110	Hoàng Thị Hạnh	ĐDCĐ	10 năm	007188/TB-CCHN	Thực hiện chức năng nhiệm vụ của điều dưỡng, Bệnh viện cho phép thực hiện: Phụ giúp bác sỹ can thiệp tim mạch	Khoa Tim mạch
111	Nguyễn Thùy Linh	ĐDDH	6 năm	008371/TB-CCHN	Thực hiện chức năng nhiệm vụ của điều dưỡng; Bệnh viện cho phép thực hiện: Phụ giúp bác sỹ can thiệp tim mạch	Khoa Tim mạch
112	Bùi Mạnh Tuấn	ĐDCĐ	5 năm	008637/TB-CCHN	Thực hiện chức năng nhiệm vụ của điều dưỡng, Phụ giúp bác sỹ can thiệp tim mạch	Khoa Tim mạch
113	Đỗ Thị Lập	ĐDCĐ	9 năm	008153/TB-CCHN	Thực hiện chức năng nhiệm vụ của điều dưỡng	Khoa Tim mạch
114	Nguyễn Thị Tâm	ĐDCĐ	9 năm	006397/TB-CCHN	Thực hiện chức năng nhiệm vụ của điều dưỡng	Khoa Tim mạch

3. Kỹ thuật y với phạm vi hành nghề Xét nghiệm y học

STT	Họ và tên	Chức danh CM	Số năm công tác	Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Vị trí chuyên môn
1.	Vũ Thị Huê	BSCKI	13 năm	002934/TB-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa xét nghiệm	Khoa Xét nghiệm
2.	Nguyễn Thị Dư	BSCKI	10 năm	0005336/TB-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa xét nghiệm vi sinh; Huyết học truyền máu	Khoa Xét nghiệm
3.	Trần Thị Hà	BS	8 năm	006986/TB-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa; Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Giải phẫu bệnh	Khoa Xét nghiệm

STT	Họ và tên	Chức danh CM	Số năm công tác	Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Vị trí chuyên môn
4.	Đỗ Thị Bích Thủy	BS	8 năm	007497/TB-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa; Khám, chữa bệnh chuyên khoa Hóa sinh	Khoa Xét nghiệm
5.	Trần Thanh Huyền	BS	10 năm	0007267/QNI-CCHN	Chuyên khoa xét nghiệm Vi sinh	Khoa Xét nghiệm
6.	Phạm Thị Thơm	KTV CKI	22 năm	002049/TB-CCHN	Chuyên khoa xét nghiệm	Khoa Xét nghiệm
7.	Nguyễn Thị Hương	KTVĐH	20 năm	0005354/TB-CCHN	Chuyên khoa xét nghiệm	Khoa Xét nghiệm
8.	Phạm Xuân Ruyến	KTVĐH	18 năm	002050/TB-CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn của KTV XN	Khoa Xét nghiệm
9.	Nguyễn Thị Anh	KTVCD	15 năm	002052/TB-CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn của KTV XN	Khoa Xét nghiệm
10.	Nguyễn Thị Hồng Thu	KTVCD	16 năm	002053/TB-CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn của KTV XN	Khoa Xét nghiệm
11.	Nguyễn Thị Diệu	KTVCD	14 năm	002054/TB-CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn của KTV XN	Khoa Xét nghiệm
12.	Nguyễn Thị Đào	KTVCD	13 năm	0005355/TB-CCHN	Thực hiện kỹ thuật xét nghiệm y học	Khoa Xét nghiệm
13.	Bùi Thị Hiên	KTVCD	11 năm	007400/TB-CCHN	Thực hiện các chức năng nhiệm vụ của kỹ thuật viên	Khoa Xét nghiệm
14.	Đỗ Mạnh Dinh	KTVCD	11 năm	006845/TB-CCHN	Kỹ thuật viên xét nghiệm	Khoa Xét nghiệm
15.	Trần Mai Hiền	KTVCD	11 năm	007554/TB-CCHN	Kỹ thuật viên xét nghiệm	Khoa Xét nghiệm
16.	Hà Thị Kiều Oanh	KTVCD	11 năm	007810/TB-CCHN	Kỹ thuật viên xét nghiệm	Khoa Xét nghiệm
17.	Nguyễn Duy Chúc	thạc sỹ, KS sinh học	13 năm	009154/TB-CCHN	Kỹ thuật viên xét nghiệm	Khoa Xét nghiệm
18.	Yên Thị Loan	KTVCD	13 năm	0002410/QNI-CCHN	Kỹ thuật viên xét nghiệm	Khoa Xét nghiệm
19.	Lê Thị Thu Hà	KTVĐH	5 năm	008155/TB-CCHN	Chuyên khoa xét nghiệm	Khoa Xét nghiệm
20.	Phan Doãn Đức	KTVCD	5 năm	007684/TB-CCHN	Kỹ thuật viên xét nghiệm	Khoa Xét nghiệm

STT	Họ và tên	Chức danh CM	Số năm công tác	Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Vị trí chuyên môn
21.	Nguyễn Thị Yến	KTVĐH	5 năm	008793/TB-CCHN	Chuyên khoa xét nghiệm	Khoa Xét nghiệm
22.	Đỗ Thị Vân Anh	KTVCD	6 năm	008532/TB-CCHN	Kỹ thuật viên xét nghiệm	Khoa Xét nghiệm
23.	Nguyễn Thị Phương	KTVCD	6 năm	008792/TB-CCHN	Kỹ thuật viên xét nghiệm	Khoa Xét nghiệm
24.	Lý Hồng Sơn	KTVCD	4 năm	008445/TB-CCHN	Kỹ thuật viên xét nghiệm	Khoa Xét nghiệm
25.	Nguyễn Thị Diệu Ly	KTVCD	11 năm	006628/TB-CCHN	Kỹ thuật viên xét nghiệm	Khoa Xét nghiệm

4. Kỹ thuật y với phạm vi hành nghề Hình ảnh y học

STT	Họ và tên	Chức danh CM	Số năm công tác	Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Vị trí chuyên môn
1.	Nguyễn Thị Thu Hương	BSCKI	12 năm	0005470/TB-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa CDHA: Xquang; Siêu âm; Chụp cắt lớp vi tính	Khoa CDHA
2.	Đặng Huy Hoàng	BS	8 năm	006970/TB-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa; Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa CDHA	Khoa CDHA
3.	Nguyễn Thị Mai Hồng	BS	9 năm	006262/TB-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nhi; Chuyên khoa Xquang; Siêu âm tổng quát; Siêu âm tim mạch; Chụp CLVT trẻ em	Khoa CDHA
4.	Đào Duy Triều	BS	4 năm	009834/TB-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chẩn đoán hình ảnh; Bệnh viện cho phép thực hiện: Siêu âm tim trẻ em; Chụp và đọc phim cắt lớp vi tính	Khoa CDHA
5.	Phạm Văn Minh	ĐDCKI KTVĐH	17 năm	002039/TB-CCHN	Thực hiện chức năng nhiệm vụ của	Khoa CDHA

STT	Họ và tên	Chức danh CM	Số năm công tác	Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Vị trí chuyên môn
					điều dưỡng; Thực hiện kỹ thuật chụp, chiếu film trong CDHA	
6.	Vũ Văn Nam	ĐH Kỹ thuật hình ảnh y học	14 năm	002051/TB-CCHN	Thực hiện phạm vi chuyên môn của KTV CDHA	Khoa CDHA
7.	Phạm Hữu Thường	ĐDCĐ	16 năm	002935/TB-CCHN	Thực hiện kỹ thuật chụp, chiếu film trong CDHA	Khoa CDHA
8.	Bùi Văn Dưỡng	ĐDCĐ	9 năm	006825/TB-CCHN	Thực hiện kỹ thuật chụp, chiếu film trong CDHA	Khoa CDHA
9.	Bùi Xuân Tình	ĐH Kỹ thuật hình ảnh y học	8 năm	006775/TB-CCHN	Chuyên khoa CDHA	Khoa CDHA
10.	Bùi Thị Trâm	ĐDCĐ	8 năm	008751/TB-CCHN	Thực hiện chức năng nhiệm vụ của điều dưỡng	Khoa CDHA
11.	Nguyễn Xuân Duy	CĐ Kỹ thuật hình ảnh y học	4 năm	009418/TB-CCHN	Kỹ thuật viên chẩn đoán hình ảnh	Khoa CDHA
12.	Đỗ Hồng Minh	CĐ Kỹ thuật hình ảnh y học	6 năm	008738/TB-CCHN	Kỹ thuật viên chẩn đoán hình ảnh	Khoa CDHA
13.	Mai Thạch Long	CĐ Kỹ thuật hình ảnh y học	5 năm	009054/TB-CCHN	Kỹ thuật viên chẩn đoán hình ảnh	Khoa CDHA

5. Kỹ thuật y với phạm vi hành nghề Phục hồi chức năng:

STT	Họ và tên	Chức danh CM	Số năm công tác	Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Vị trí chuyên môn
1.	Đinh Văn Uy	BSCCKII	25 năm	001973/TB-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nhi; Kỹ thuật VLTL, PHCN.	Khoa Y học cổ truyền - Phục hồi chức năng
2.	Đỗ Thị Nga	BSCCKI	13 năm	001979/TB-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nhi; Thực hiện kỹ	Khoa Y học cổ truyền -

STT	Họ và tên	Chức danh CM	Số năm công tác	Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Vị trí chuyên môn
					thuật Điện não, lưu huyết não; Khám chẩn đoán và can thiệp trẻ tự kỷ; Thực hiện kỹ thuật VLTL-PHCN	Phục hồi chức năng
3.	Hà Thị Chung	BS	10 năm	0005473/TB-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa PHCN; Khám bệnh chữa bệnh bằng YHCT; Can thiệp trẻ tự kỷ	Khoa Y học cổ truyền - Phục hồi chức năng
4.	Bùi Đình Hiền	BSCKI	8 năm	006480/TB-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên bằng Y học cổ truyền; Bệnh viện cho phép thực hiện: Thực hiện kỹ thuật chuyên ngành Phục hồi chức năng;	Khoa Y học cổ truyền - Phục hồi chức năng
5.	Vũ Ngọc Chinh	BS	7 năm	006141/NĐ-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng Y học cổ truyền; Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Phục hồi chức năng; Khám chữa bệnh Nhi khoa	Khoa Y học cổ truyền - Phục hồi chức năng
6.	Bùi Văn Bạ	BS	4 năm	010014/TB-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nhi; Bệnh viện cho phép thực hiện: Thực hiện kỹ thuật Phục hồi chức năng;	Khoa Phục hồi chức năng
7.	Nguyễn Thị Lân	Điều dưỡng đại học	16 năm	002044/TB-CCHN	Thực hiện chức năng nhiệm vụ của điều dưỡng; thực hiện kỹ thuật VLTL, PHCN; thực hiện kỹ thuật can thiệp trẻ tự kỷ	Khoa Y học cổ truyền - Phục hồi chức năng
8.	Nguyễn Thị Huệ	Cử nhân PHCN	14 năm	001041/TB-CCHN	Thực hiện phạm vi chuyên môn của	Khoa Y học cổ

STT	Họ và tên	Chức danh CM	Số năm công tác	Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Vị trí chuyên môn
					KTV phục hồi chức năng; Bệnh viện cho phép thực hiện: Thực hiện kỹ thuật Y học cổ truyền	truyền - Phục hồi chức năng
9.	Đàm Thị Thu Hương	Điều dưỡng đại học	16 năm	002027/TB-CCHN	Thực hiện chức năng nhiệm vụ của điều dưỡng; thực hiện kỹ thuật can thiệp trẻ tự kỷ; thực hiện kỹ thuật VLTL - PHCN	Khoa Y học cổ truyền - Phục hồi chức năng
10.	Nguyễn Thị Huế	Điều dưỡng Cao đẳng	16 năm	0003389/TB-CCHN	Thực hiện chức năng nhiệm vụ của điều dưỡng; thực hiện kỹ thuật can thiệp trẻ tự kỷ; kỹ thuật VLTL - PHCN	Khoa Y học cổ truyền - Phục hồi chức năng
11.	Đinh Thị Cúc Phương	Điều dưỡng đại học	9 năm	0005472/TB-CCHN	Thực hiện chức năng nhiệm vụ của điều dưỡng; thực hiện kỹ thuật VLTL, PHCN; chẩn đoán và can thiệp trẻ tự kỷ	Khoa Y học cổ truyền - Phục hồi chức năng
12.	Nguyễn Đức Mạnh	Cử nhân PHCN	8 năm	0005471/TB-CCHN	Kỹ thuật viên phục hồi chức năng	Khoa Y học cổ truyền - Phục hồi chức năng
13.	Vũ Thị Hiên	Cử nhân PHCN	7 năm	006804/TB-CCHN	Kỹ thuật viên vật lý trị liệu – phục hồi chức năng	Khoa Y học cổ truyền - Phục hồi chức năng
14.	Nguyễn Bá Lộc	Kỹ thuật viên Cao đẳng	6 năm	007514/TB-CCHN	Thực hiện kỹ thuật phục hồi chức năng	Khoa Y học cổ truyền - Phục hồi chức năng
15.	Nguyễn Thị Hằng	Điều dưỡng Cao đẳng	5,5 năm	0005293/TB-CCHN	Thực hiện theo chức năng nhiệm vụ của Điều dưỡng quy	Khoa Y học cổ truyền -

STT	Họ và tên	Chức danh CM	Số năm công tác	Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Vị trí chuyên môn
					định tại Thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015; Bệnh viện cho phép thực hiện: Thực hiện kỹ thuật can thiệp trẻ tự kỷ và một số bệnh tâm thần; Thực hiện kỹ thuật Vật lý trị liệu Phục hồi chức năng	Phục hồi chức năng
16.	Lê Chi Mai	Kỹ thuật viên Cao đẳng	5 năm	008176/TB-CCHN	Kỹ thuật viên vật lý trị liệu – phục hồi chức năng	Khoa Y học cổ truyền - Phục hồi chức năng
17.	Phạm Thị Thanh Huyền	Điều dưỡng Cao đẳng	4 năm	009469/TB-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng Y học cổ truyền	Khoa Y học cổ truyền - Phục hồi chức năng
18.	Trần Thị Thanh Thương	Cử nhân PHCN	2,5 năm	010159/TB-CCHN	Kỹ thuật viên phục hồi chức năng	Khoa Y học cổ truyền - Phục hồi chức năng
19.	Nguyễn Thị Hương	Cử nhân PHCN	2,5 năm	010158/TB-CCHN	Kỹ thuật viên phục hồi chức năng	Khoa Y học cổ truyền - Phục hồi chức năng
20.	Đỗ Ngọc Chi	Cử nhân PHCN	3 năm	008902/TB-CCHN	Kỹ thuật viên phục hồi chức năng	Khoa Y học cổ truyền - Phục hồi chức năng

4

SỞ Y TẾ THÁI BÌNH
BỆNH VIỆN NHI

**KHUNG CHƯƠNG TRÌNH THỰC HÀNH
KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH ĐỐI VỚI
CHỨC DANH BÁC SỸ**

Thái Bình, năm 2024

SỞ Y TẾ THÁI BÌNH
BỆNH VIỆN NHI

**KHUNG CHƯƠNG TRÌNH THỰC HÀNH
KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH ĐỐI VỚI
CHỨC DANH BÁC SỸ**

**KHUNG CHƯƠNG TRÌNH THỰC HÀNH
KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH ĐỐI VỚI
CHỨC DANH BÁC SỸ**

I. NỘI DUNG:

- Thực hành để cấp giấy phép hành nghề bác sỹ chuyên khoa nhi khoa.
- Thực hành bác sỹ y khoa (Phần nhi khoa): Người tốt nghiệp bác sỹ y khoa thực hành phần nhi khoa để cấp giấy phép hành nghề bác sỹ y khoa.
- Thực hành để cấp bằng: Sinh viên đại học y khoa; Học viên khóa học bác sỹ chuyên khoa I nhi, chuyên khoa II nhi, thạc sỹ nhi khoa.
- Thực hành để cấp chứng chỉ chứng nhận bác sỹ nhi khoa cơ bản, các khóa đào tạo tại Bệnh viện Nhi Thái Bình.

II. THỜI GIAN:

- Thực hành để cấp giấy phép hành nghề bác sỹ chuyên khoa nhi khoa: 12 tháng (52 tuần – Tương ứng 2.080 tiết học).
- Thực hành bác sỹ y khoa (Phần nhi khoa): Người tốt nghiệp bác sỹ y khoa thực hành phần nhi khoa để cấp giấy phép hành nghề bác sỹ y khoa: 3 tháng (13 tuần – Tương ứng 520 tiết học).
- Thực hành để cấp bằng: Sinh viên đại học y khoa; Học viên khóa học bác sỹ chuyên khoa I nhi, chuyên khoa II nhi, thạc sỹ nhi khoa (Theo thời gian chương trình đào tạo của cơ sở đào tạo và hợp đồng của cơ sở đào tạo với Bệnh viện Nhi Thái Bình).
- Thực hành để cấp chứng chỉ, chứng nhận bác sỹ nhi khoa cơ bản (Theo thời gian chương trình đào tạo của cơ sở đào tạo và hợp đồng của cơ sở đào tạo với Bệnh viện Nhi Thái Bình), các khóa đào tạo tại Bệnh viện Nhi (Theo thời gian đào tạo theo khung chương trình đào tạo do hội đồng khoa học Bệnh viện phê duyệt).

III. ĐỐI TƯỢNG THAM DỰ:

1. Thực hành để cấp giấy phép hành nghề bác sỹ chuyên khoa nhi khoa: 12 tháng (*Theo mục 1 phụ lục IV*)

- Người đã có phạm vi hành nghề bác sỹ chuyên khoa nhi nhưng không hành nghề từ 24 tháng trở lên.

- Người đã có phạm vi hành nghề bác sỹ y khoa đã được đào tạo theo khóa học chuyên khoa nhi từ 18 tháng trở lên nhưng không hành nghề 24 tháng trở lên.

- Người chưa có phạm vi hành nghề bác sỹ y khoa (sinh viên tốt nghiệp đại học y khoa) đã được đào tạo chuyên khoa nhi 18 tháng trở lên nhưng chưa làm hồ sơ cấp chứng chỉ hành nghề chuyên khoa nhi từ 24 tháng trở lên.

2. Thực hành bác sỹ y khoa (Phần nhi khoa): Người tốt nghiệp bác sỹ y khoa thực hành phần nhi khoa để cấp giấy phép hành nghề bác sỹ y khoa: (*Theo mục 2 phụ lục IV*)

3. Thực hành để cấp bằng: Sinh viên đại học y khoa; Học viên khóa học bác sỹ chuyên khoa I nhi, chuyên khoa II nhi, thạc sỹ nhi khoa

4. Thực hành để cấp chứng chỉ chứng nhận bác sỹ nhi khoa cơ bản, các khóa đào tạo tại Bệnh viện Nhi

IV. NGƯỜI HƯỚNG DẪN:

- Bác sỹ với phạm vi hành nghề y khoa hoặc bác sỹ với phạm vi hành nghề chuyên khoa, trừ bác sỹ y học cổ truyền, bác sỹ y học dự phòng, bác sỹ răng hàm mặt;

- Có chứng chỉ hành nghề và thời gian hành nghề khám bệnh, chữa bệnh liên tục từ 3 năm trở lên.

V. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung:

Kết thúc chương trình đào tạo người thực hành có khả năng áp dụng các kiến thức và kỹ năng chuyên môn trong chẩn đoán, điều trị một số bệnh lý cấp cứu và các bệnh lý cơ bản thường gặp về nhi khoa.

2. Mục tiêu kiến thức:

- Áp dụng được kiến thức khoa học cơ bản, y học cơ sở và lâm sàng để giải quyết các vấn đề sức khỏe, các bệnh lý thường gặp ở người bệnh.

- Áp dụng được y học dựa trên bằng chứng trong thực hành chăm sóc sức khỏe người bệnh.

3. Mục tiêu kỹ năng:

- Thực hiện thành thạo các kỹ năng khám bệnh, chẩn đoán xác định, chẩn đoán phân biệt, chẩn đoán nguyên nhân và biến chứng một số bệnh thường gặp

- Thực hiện được quy trình hướng dẫn điều trị một số bệnh thường gặp

- Thực hiện một số thủ thuật thông thường trong chẩn đoán và điều trị bệnh lý thường gặp.

- Theo dõi, quản lý được các bệnh mạn tính, tư vấn giáo dục sức khỏe cho người bệnh và người nhà người bệnh, giáo dục và tư vấn sức khỏe cho người bệnh.

4. Mục tiêu thái độ:

- Rèn luyện được tinh thần, trách nhiệm, khẩn trương, có ý thức hợp tác khi làm việc.

- Ứng xử tốt trước các tình huống lâm sàng và một số bệnh lý thường gặp, được sự tin cậy của người bệnh và người nhà người bệnh

VI. PHÂN BỐ CHƯƠNG TRÌNH

1. Chương trình đào tạo thực hành đối với người thực hành để cấp giấy phép hành nghề bác sĩ chuyên khoa nhi khoa triển khai trong 12 tháng gồm nội dung, phân bố như sau:

STT	Lĩnh vực thực hành	Nội dung	Tổng số	
			Số tiết	Thời lượng
1	Hồi sức cấp cứu	Thực hành khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Hồi sức cấp cứu: Lý thuyết: - Nội dung kiểm soát nhiễm khuẩn - Tiếp cận và xử trí người bệnh nặng - Phù phổi cấp - Sốc ở trẻ em	520 tiết	(13 tuần)

STT	Lĩnh vực thực hành	Nội dung	Tổng số	
			Số tiết	Thời lượng
		- Cấp cứu ngừng tim - Phản vệ và các mức độ - Đông máu nội mạc lan tỏa - Điều trị tăng áp lực nội sọ - Rối loạn điện giải - Rối loạn toan kiềm - Nuôi dưỡng người bệnh nặng hồi sức tích cực 2. Thực hành: - Nội dung kiểm soát nhiễm khuẩn - Thực hành tiếp cận và xử trí người bệnh nặng - Thực hành đặt ống nội khí quản - Thực hành cài đặt và điều chỉnh thông số máy thở - Thực hành cấp cứu ngừng tim - Thực hành cấp cứu phản vệ - Thực hành điều trị rối loạn điện giải, rối loạn toan kiềm - Thực hành nuôi dưỡng tĩnh mạch người bệnh nặng hồi sức tích cực - Thực hành điều trị sốc * Kiểm tra đánh giá kỹ năng khám bệnh, chữa bệnh sau khi kết thúc thực hành chuyên khoa Hồi sức cấp cứu		

STT	Lĩnh vực thực hành	Nội dung	Tổng số	
			Số tiết	Thời lượng
2	Nội nhi	Thực hành khám bệnh chữa bệnh chuyên khoa nội nhi: Tiếp cận cấp cứu nhi khoa Nhận biết trẻ bị bệnh nặng Các thủ thuật xử trí hô hấp Cấp cứu cơ bản Cấp cứu ngừng tim Tiếp cận trẻ bị khó thở Xử trí đường thở và thông khí Tiếp cận trẻ bị sốc Tiếp cận trẻ bị chấn thương Tiếp cận trẻ bị co giật Tiếp cận trẻ bị giảm tri giác Vận chuyển bệnh nhi an toàn Ngộ độc cấp ở trẻ em Chẩn đoán và xử trí cấp cứu bỏng ban đầu Đuối nước Điện giật Những thủ thuật thực hành tuần hoàn Hồi sức trẻ sau sinh Suy hô hấp cấp ở trẻ em Rối loạn điện giải ở trẻ em	920 tiết	(23 tuần)

STT	Lĩnh vực thực hành	Nội dung	Tổng số	
			Số tiết	Thời lượng
		Rối loạn kiềm toan ở trẻ em Thiếu máu thiếu sắt Thalasemia Hemophilia Xuất huyết giảm tiểu cầu Dậy thì sớm Suy giáp bẩm sinh Hội chứng thận hư Viêm đường tiết niệu Động kinh Sốt cao co giật Tiêu chảy cấp Tiêu chảy kéo dài Viêm loét dạ dày tá tràng Táo bón trẻ em Xuất huyết tiêu hóa Tiếp cận trẻ đau bụng Tiếp cận trẻ nôn Khám sơ sinh Đặc điểm trẻ đẻ non Suy hô hấp trẻ sơ sinh Nhiễm khuẩn sơ sinh		

STT	Lĩnh vực thực hành	Nội dung	Tổng số	
			Số tiết	Thời lượng
		Vàng da tăng Bilirubin gián tiếp ở trẻ sơ sinh Dị tật sơ sinh cần can thiệp sớm Chuyển viện an toàn cho trẻ sơ sinh Hen phế quản Dị ứng thuốc Mày đay cấp Viêm phổi Viêm tiểu phế quản Viêm phổi do Mycoplasma Suy hô hấp ở trẻ em Viêm não Viêm màng não nhiễm khuẩn Bệnh cúm Bệnh tay chân miệng Bệnh sốt xuất huyết Dengue Chẩn đoán và điều trị Covid-19 Bệnh ho gà Bệnh sởi Thủy đậu Bệnh quai bị Hội chứng Hạch – da – niêm mạc (Kawasaki)		

STT	Lĩnh vực thực hành	Nội dung	Tổng số	
			Số tiết	Thời lượng
		Các bệnh Tim bẩm sinh thường gặp ở trẻ em Rối loạn nhịp tim ở trẻ em Điện tâm đồ cơ bản trẻ em Suy tim * Kiểm tra đánh giá kỹ năng khám bệnh, chữa bệnh sau khi kết thúc thực hành chuyên khoa nội nhi		
3	Ngoại nhi	Thực hành khám bệnh chữa bệnh chuyên khoa ngoại nhi: Viêm ruột thừa trẻ em Lồng ruột Chấn thương sọ não Gãy xương chi trên Gãy xương chi dưới * Kiểm tra đánh giá kỹ năng khám bệnh, chữa bệnh sau khi kết thúc thực hành chuyên khoa ngoại nhi	320 tiết	8 tuần
4	Chuyên khoa	Thực hành khám bệnh chữa bệnh chuyên khoa nhi: Tai mũi họng, răng hàm mặt, mắt. Cấp cứu chảy máu mũi Cấp cứu khó thở thanh quản Cấp cứu chấn thương tai mũi họng Bệnh viêm họng cấp Bệnh viêm Amidan	320 tiết	8 tuần

STT	Lĩnh vực thực hành	Nội dung	Tổng số	
			Số tiết	Thời lượng
		Bệnh viêm tai giữa Dị vật tai mũi họng Viêm Amidan, VA quá phát Bệnh viêm kết mạc cấp Bệnh chắp, lệo * Kiểm tra đánh giá kỹ năng khám bệnh, chữa bệnh sau khi kết thúc thực hành chuyên khoa nhi		
Tổng			2.080	52 tuần

2. Chương trình thực hành đối với đối tượng thực hành là người thực hành để cấp giấy phép thực hành bác sỹ y khoa phần thực hành nhi khoa triển khai trong 03 tháng gồm nội dung, phân bổ như sau:

STT	Lĩnh vực thực hành	Nội dung	Tổng số	
			Số tiết	Thời lượng
1	Hồi sức cấp cứu	Thực hành khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Hồi sức cấp cứu: Lý thuyết: - Nội dung kiểm soát nhiễm khuẩn - Tiếp cận và xử trí người bệnh nặng - Phù phổi cấp - Sốc ở trẻ em - Cấp cứu ngừng tim - Phản vệ và các mức độ - Rối loạn điện giải	160 tiết	04 tuần

STT	Lĩnh vực thực hành	Nội dung	Tổng số	
			Số tiết	Thời lượng
		- Nuôi dưỡng người bệnh nặng hồi sức tích cực 2. Thực hành: - Nội dung kiểm soát nhiễm khuẩn - Thực hành tiếp cận và xử trí người bệnh nặng - Thực hành đặt ống nội khí quản - Thực hành cài đặt và điều chỉnh thông số máy thở - Thực hành cấp cứu ngừng tim - Thực hành cấp cứu phản vệ - Thực hành nuôi dưỡng tĩnh mạch người bệnh nặng hồi sức tích cực - Thực hành điều trị sốc * Kiểm tra đánh giá kỹ năng khám bệnh, chữa bệnh sau khi kết thúc thực hành chuyên khoa Hồi sức cấp cứu		
2	Nội nhi	Thực hành khám bệnh chữa bệnh chuyên khoa nội nhi: Tiếp cận cấp cứu nhi khoa Nhận biết trẻ bị bệnh nặng Các thủ thuật xử trí hô hấp Cấp cứu cơ bản Tiếp cận trẻ bị chấn thương Tiếp cận trẻ bị co giật Vận chuyển bệnh nhi an toàn	200 tiết	5 tuần

STT	Lĩnh vực thực hành	Nội dung	Tổng số	
			Số tiết	Thời lượng
		Ngộ độc cấp ở trẻ em Chẩn đoán và xử trí cấp cứu bỏng ban đầu Những thủ thuật thực hành tuần hoàn Hồi sức trẻ sau sinh Dậy thì sớm Suy giáp bẩm sinh Động kinh Tiêu chảy cấp Tiêu chảy kéo dài Tiếp cận trẻ đau bụng Tiếp cận trẻ nôn Khám sơ sinh Suy hô hấp trẻ sơ sinh Chuyển viện an toàn cho trẻ sơ sinh Hen phế quản Mày đay cấp Viêm phổi Viêm tiểu phế quản Viêm não Bệnh cúm Bệnh tay chân miệng		

STT	Lĩnh vực thực hành	Nội dung	Tổng số	
			Số tiết	Thời lượng
		Bệnh sỏi Thủy đậu Các bệnh Tim bẩm sinh thường gặp ở trẻ em Rối loạn nhịp tim ở trẻ em Điện tâm đồ cơ bản trẻ em * Kiểm tra đánh giá kỹ năng khám bệnh, chữa bệnh sau khi kết thúc thực hành chuyên khoa nội nhi		
3	Ngoại nhi	Thực hành khám bệnh chữa bệnh chuyên khoa ngoại nhi: Viêm ruột thừa trẻ em Lồng ruột Gãy xương chi trên Gãy xương chi dưới * Kiểm tra đánh giá kỹ năng khám bệnh, chữa bệnh sau khi kết thúc thực hành chuyên khoa ngoại nhi	160 tiết	04 tuần
Tổng			520	13 tuần

3. Thực hành để cấp bằng: Sinh viên đại học y khoa; Học viên khóa học bác sỹ chuyên khoa I nhi, chuyên khoa II nhi, thạc sỹ nhi khoa (Theo chương trình đào tạo của cơ sở đào tạo và hợp đồng của cơ sở đào tạo với Bệnh viện Nhi Thái Bình)

4. Thực hành để cấp chứng chỉ chứng nhận bác sỹ nhi khoa cơ bản (Theo chương trình đào tạo của cơ sở đào tạo và hợp đồng của cơ sở đào tạo với Bệnh viện Nhi), các khóa đào tạo tại Bệnh viện Nhi (Theo khung chương trình đào tạo do hội đồng khoa học Bệnh viện phê duyệt).

VII. CẤP XÁC NHẬN THỜI GIAN THỰC HÀNH

Những học viên đủ các tiêu chuẩn sau đây được Giám đốc Bệnh viện cấp Giấy xác nhận thời gian thực hành 3 tháng, 12 tháng đối với chức danh Bác sỹ chuyên khoa nhi khoa tại Bệnh viện Nhi Thái Bình:

Không bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên trong thời gian tham dự khóa học.

Hoàn thành đầy đủ chỉ tiêu thực hành.

Điểm thi lý thuyết và thực hành kết thúc toàn đợt thực hành đạt từ 6.0 điểm trở lên (thang điểm 10).

Có nhận xét bằng văn bản của người hướng dẫn thực hành đối với người thực hành đạt các yêu cầu khóa đào tạo.

Giấy xác nhận hoàn thành quá trình thực hành theo quy định tại Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ về việc “Quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh”./.

BỆNH VIỆN NHI THÁI BÌNH

SỞ Y TẾ THÁI BÌNH
BỆNH VIỆN NHI

**KHUNG CHƯƠNG TRÌNH THỰC HÀNH
KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH ĐỐI VỚI CHỨC DANH
ĐIỀU DƯỠNG**

Thái Bình, năm 2024

SỞ Y TẾ THÁI BÌNH
BỆNH VIỆN NHI

**KHUNG CHƯƠNG TRÌNH THỰC HÀNH
KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH ĐỐI VỚI CHỨC DANH
ĐIỀU DƯỠNG**

**KHUNG CHƯƠNG TRÌNH THỰC HÀNH
KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH ĐỐI VỚI CHỨC DANH
ĐIỀU DƯỠNG**

I. NỘI DUNG:

Chương trình thực hành khám bệnh, chữa bệnh đối với chức danh điều dưỡng

II. THỜI GIAN:

6 tháng (26 tuần – Tương ứng 1.040 tiết học)

III. ĐỐI TƯỢNG THAM DỰ:

- Văn bằng điều dưỡng trình độ cao đẳng, đại học, chuyên khoa I do cơ sở giáo dục trong nước cấp.
- Trường hợp văn bằng tốt nghiệp do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp được Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội công nhận tương đương văn bằng đào tạo trong nước.

IV. NGƯỜI HƯỚNG DẪN:

Điều dưỡng chuyên khoa I, cử nhân điều dưỡng có trình độ chuyên môn, có kinh nghiệm trong quản lý điều dưỡng; đáp ứng tiêu chuẩn người hướng dẫn lâm sàng theo Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ về việc “Quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh” và Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ Y tế về việc quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh.

Có thời gian hành nghề liên tục từ 03 năm trở lên.

V. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung:

Sau khóa học, học viên đạt được cơ bản các chuẩn năng lực của điều dưỡng Việt Nam và có khả năng thực hành chăm sóc người bệnh một cách chủ động, an toàn, hiệu quả tại các cơ sở y tế.

2. Mục tiêu kiến thức:

- Trình bày được các văn bản quy phạm pháp luật, các quy định liên quan đến công tác điều dưỡng trong bệnh viện.
- Giải thích được các bước của quy trình điều dưỡng.
- Vận dụng kiến thức cơ bản về cấu trúc, chức năng hoạt động của các cơ quan hệ thống trong cơ thể vào thực hành chăm sóc điều dưỡng.
- Trình bày được các quy định về quản lý, vận hành, bảo dưỡng và sử dụng các nguồn lực chăm sóc người bệnh.
- Nhận dạng được các tình huống áp dụng phòng ngừa chuẩn trong chăm sóc người bệnh.
- Nhận dạng được các vấn đề, yếu tố nguy cơ đến sức khỏe và các giải pháp đảm bảo an toàn người bệnh liên quan đến công tác điều dưỡng.
- Xác định được nhu cầu tư vấn, giáo dục sức khỏe phù hợp với người bệnh và gia đình người bệnh.

3. Mục tiêu kỹ năng:

- Áp dụng được quy trình điều dưỡng và thực hành dựa trên bằng chứng trong chăm sóc người bệnh và cải tiến chất lượng (Khám, nhận định người bệnh, xác định vấn đề ưu tiên và phân cấp chăm sóc phù hợp; Môi trường chăm sóc; Thiết lập chẩn đoán điều dưỡng, mục tiêu; Lập kế hoạch chăm sóc, thực hiện kế hoạch và lượng giá phù hợp với người bệnh; Đảm bảo chăm sóc liên tục).
- Thực hiện các kỹ thuật điều dưỡng cơ bản trên người bệnh đảm bảo an toàn, hiệu quả và tôn trọng người bệnh.
- Phát hiện sớm các diễn biến bất thường trên người bệnh, phản vệ, ngừng tuần hoàn, ngừng hô hấp), ra quyết định xử trí ban đầu và phối hợp với các thành viên trong nhóm thực hiện sơ cứu, cấp cứu kịp thời và hiệu quả.
- Thực hiện đúng quy trình thực hành phòng ngừa chuẩn và kiểm soát nhiễm khuẩn bệnh viện.
- Thực hiện đúng các quy định về an toàn người bệnh trong thực hành chăm sóc và báo cáo sự cố y khoa.
- Giao tiếp công sở, giao tiếp với người bệnh/ gia đình người bệnh phù hợp

với văn hóa, tín ngưỡng.

- Cung cấp thông tin liên quan tới chăm sóc cho người bệnh/ gia đình người bệnh đầy đủ và kịp thời; Giáo dục sức khỏe và tư vấn cho người bệnh/ gia đình NB phù hợp.

- Vận hành và bảo quản các trang thiết bị và phương tiện y tế trong chăm sóc người bệnh thuộc phạm vi được phân công đúng quy trình, đúng quy định, đảm bảo an toàn hiệu quả.

- Thực hiện ghi chép, quản lý hồ sơ bệnh án đúng quy định.

- Hợp tác làm việc theo nhóm tốt trong chăm sóc người bệnh.

ứng dụng được công nghệ thông tin vào công tác chăm sóc bệnh, phát triển năng lực bản thân và nghề nghiệp.

4. Mục tiêu thái độ:

- Tuân thủ đúng các quy định của Pháp luật liên quan và Tiêu chuẩn đạo đức khi thực hành nghề nghiệp.

- Hình thành được ý thức học tập liên tục để duy trì, phát triển năng lực cho bản thân và nghề nghiệp.

- Hình thành được tác phong cẩn thận, tỉ mỉ, trung thực, tôn trọng, hợp tác với người bệnh và đồng nghiệp, đảm bảo an toàn khi chăm sóc người bệnh, chịu trách nhiệm cá nhân khi thực hành nghề nghiệp.

VI. PHÂN BỐ CHƯƠNG TRÌNH

Chương trình đào tạo thực hành sau tốt nghiệp được triển khai trong 6 tháng gồm nội dung, phân bố như sau:

STT	Lĩnh vực thực hành	Nội dung	Tổng số	
			Số tiết	Thời lượng
1	Hồi sức cấp cứu	Thực hành tại chuyên khoa Hồi sức cấp cứu: Cấp cứu cơ bản Tiếp cận và chăm sóc trẻ bệnh nặng Chăm sóc trẻ sơ sinh suy hô hấp	160 tiết	(04 tuần)

STT	Lĩnh vực thực hành	Nội dung	Tổng số	
			Số tiết	Thời lượng
		Theo dõi và chăm sóc bệnh nhân thở máy Quy trình kỹ thuật bóp bóng qua mask Quy trình kỹ thuật hút dịch nội khí quản Quy trình kỹ thuật hút dịch nội khí quản Quy trình kỹ thuật phụ giúp bác sỹ đặt nội khí quản Quy trình kỹ thuật phụ giúp bác sỹ đặt tĩnh mạch dưới đòn * Kiểm tra đánh giá kỹ thực hành chuyên khoa Hồi sức cấp cứu		
2	Nội nhi	Thực hành chuyên khoa nội nhi: Cấp cứu cơ bản (Học chung với bác sỹ) Nhận biết trẻ bị bệnh nặng (Học chung với bác sỹ) Chuẩn bị dụng cụ cấp cứu Chăm sóc trẻ suy hô hấp Chăm sóc trẻ sốt cao co giật Quy trình kỹ thuật bóp bóng qua mask Quy trình kỹ thuật hút đờm hầu họng Quy trình kỹ thuật hút dịch nội khí quản Quy trình kỹ thuật phụ giúp bác sỹ đặt nội khí quản Quy trình kỹ thuật phụ giúp bác sỹ chọc dịch não tủy Chăm sóc bệnh nhân hội chứng thận hư	560 tiết	(14 tuần)

STT	Lĩnh vực thực hành	Nội dung	Tổng số	
			Số tiết	Thời lượng
		Chăm sóc bệnh nhân viêm đường tiết niệu Chăm sóc bệnh nhân động kinh Chăm sóc bệnh nhân sốt cao co giật Chăm sóc bệnh nhân viêm cầu thận cấp Chăm sóc bệnh nhân tiêu chảy cấp Chăm sóc bệnh nhân xuất huyết tiêu hóa Chăm sóc bệnh nhân nôn trớ Quy trình kỹ thuật tiêm tĩnh mạch Quy trình kỹ thuật truyền dịch tĩnh mạch Chăm sóc thiết yếu cho trẻ sơ sinh bình thường Tư vấn nuôi con bằng sữa mẹ Các phương pháp cung cấp oxy Xử trí nhiễm khuẩn da, mắt, rốn và niêm mạc Kỹ thuật chiếu đèn điều trị vàng da Chăm sóc bệnh nhân nhiễm khuẩn hô hấp cấp tính Chăm sóc bệnh nhân viêm phổi Chăm sóc bệnh nhân viêm tiểu phế quản Chăm sóc bệnh nhân hen phế quản Chăm sóc bệnh nhân viêm thanh khí phế quản cấp		

STT	Lĩnh vực thực hành	Nội dung	Tổng số	
			Số tiết	Thời lượng
		Chăm sóc bệnh nhân sốt xuất huyết Dengue Chăm sóc bệnh nhân tay chân miệng Chăm sóc bệnh nhân viêm não Chăm sóc bệnh nhân thủy đậu Chăm sóc bệnh nhân cúm Chăm sóc trẻ tim bẩm sinh Chăm sóc trẻ Kawasaki * Kiểm tra đánh giá kỹ thực hành chuyên khoa nội nhi		
3	Ngoại nhi	Thực hành chuyên khoa ngoại nhi: Chăm sóc bệnh nhân gãy xương chi trên Chăm sóc bệnh nhân chấn thương sọ não Quy trình kỹ thuật nắn , bó bột trật khớp khuỷu Chăm sóc bệnh nhân lồng ruột Chăm sóc bệnh nhân sau phẫu thuật viêm ruột thừa * Kiểm tra đánh giá kỹ thực hành chuyên khoa ngoại nhi	160 tiết	4 tuần
4	Chuyên khoa	Thực hành khám bệnh chữa bệnh chuyên khoa nhi: Tai mũi họng, răng hàm mặt, mắt. Chăm sóc người bệnh sau phẫu thuật cắt Amidan, nạo VA Chăm sóc người bệnh trước phẫu thuật	160 tiết	4 tuần

STT	Lĩnh vực thực hành	Nội dung	Tổng số	
			Số tiết	Thời lượng
		Xử trí và chăm sóc người bệnh chấn thương vùng hàm mặt Chăm sóc người bệnh chảy máu sau phẫu thuật cắt Amidan, nạo VA * Kiểm tra đánh thực hành chuyên khoa		
Tổng			1.040 tiết	26 tuần

VII. CẤP XÁC NHẬN THỜI GIAN THỰC HÀNH

Tham gia trên 90% thời lượng khoá học.

Không vi phạm nội quy, quy định của Bệnh viện, khoa phòng và khóa đào tạo.

Đánh giá năng lực học viên theo Chuẩn năng lực cơ bản điều dưỡng Việt Nam. Có ít nhất 50% tiêu chí đạt mức độ 2 và không có tiêu chí ở mức 0.

Hoàn thành các nội dung đánh giá tại 02 đơn vị luân khoa, mức đạt từ điểm 6 trên thang điểm 10.

Có nhận xét bằng văn bản của người hướng dẫn thực hành đối với người thực hành đạt các yêu cầu khóa đào tạo.

Giấy xác nhận hoàn thành quá trình thực hành theo quy định tại Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ về việc “Quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh”./.

BỆNH VIỆN NHI THÁI BÌNH

SỞ Y TẾ THÁI BÌNH
BỆNH VIỆN NHI

KHUNG CHƯƠNG TRÌNH THỰC HÀNH
KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH ĐỐI VỚI CHỨC DANH
KỸ THUẬT Y CÓ PHẠM VI HÀNH NGHỀ
XÉT NGHIỆM Y HỌC

SỞ Y TẾ THÁI BÌNH
BỆNH VIỆN NHI

**KHUNG CHƯƠNG TRÌNH THỰC HÀNH
KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH ĐỐI VỚI CHỨC DANH
KỸ THUẬT Y CÓ PHẠM VI HÀNH NGHỀ
XÉT NGHIỆM Y HỌC**

**KHUNG CHƯƠNG TRÌNH THỰC HÀNH
KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH ĐỐI VỚI CHỨC DANH
KỸ THUẬT Y CÓ PHẠM VI HÀNH NGHỀ XÉT NGHIỆM Y HỌC**

I. NỘI DUNG:

Chương trình thực hành khám bệnh, chữa bệnh đối với chức danh kỹ thuật y có phạm vi hành nghề xét nghiệm y học.

II. THỜI GIAN:

6 tháng (26 tuần – Tương ứng 1.040 tiết học)

III. ĐỐI TƯỢNG THAM DỰ:

- Văn bằng kỹ thuật viên xét nghiệm y học trình độ cao đẳng, đại học, chuyên khoa I do cơ sở giáo dục trong nước cấp.
- Trường hợp văn bằng tốt nghiệp do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp được Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội công nhận tương đương văn bằng đào tạo trong nước.

IV. NGƯỜI HƯỚNG DẪN:

Bác sĩ chuyên khoa I, bác sĩ, kỹ thuật viên chuyên khoa I, kỹ thuật viên đại học, cao đẳng có năng lực chuyên môn cao, có nhiều năm kinh nghiệm hiện đang công tác tại chuyên khoa xét nghiệm của Bệnh viện Nhi Thái Bình; có phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định của Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ về việc “Quy định chi tiết một số điều của Luật khám bệnh, chữa bệnh”, Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế về việc “Quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh”.

Có thời gian hành nghề liên tục từ 03 năm trở lên.

V. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung:

Sau khi kết thúc khóa học, học viên được xác nhận thời gian thực hành là cơ sở cấp chứng chỉ hành nghề theo Nghị định số 96/2023/NĐ-CP của Chính phủ.

2. Mục tiêu kiến thức:

- Trình bày được các kiến thức cơ bản về huyết học và an toàn truyền máu.
- Giải thích được một số thông số huyết học bình thường và một số thay đổi bệnh lý.

- Trình bày được một số kiến thức cơ bản về hoá sinh lâm sàng

- Trình bày được một số nguyên tắc về an toàn phòng xét nghiệm

- Trình bày được một số nguyên tắc và phương pháp về kiểm tra chất lượng xét nghiệm hoá sinh.

- Trình bày được đơn vị quốc tế sử dụng trong hoá sinh và các loại nồng độ dung dịch.

- Trình bày được các phương pháp đo quang dùng trong xét nghiệm hoá sinh

- Kể tên một số loại virus, vi khuẩn, nấm, ký sinh trùng gây bệnh thường gặp.

- Trình bày phương pháp xét nghiệm chẩn đoán một số loại virus, vi khuẩn, nấm, ký sinh trùng gây bệnh thường gặp.

- Trình bày nguyên lý, mục đích, cách tiến hành kỹ thuật đánh giá độ nhạy của vi khuẩn với kháng sinh bằng phương pháp khoanh giấy khuếch tán

- Trình bày được các bước cố định, chuyển đúc bệnh phẩm

- Trình bày được các bước nhuộm tiêu bản HE

- Trình bày được các bước nhuộm tiêu bản PAS

- Trình bày được các bước nhuộm tiêu bản tế bào Papanicolaou và Giemsa

3. Mục tiêu kỹ năng:

- Thực hiện thành thạo kỹ thuật xét nghiệm tế bào máu, tế bào nước dịch.

- Thao tác thành thạo một số xét nghiệm đông máu cơ bản và biện luận được các xét nghiệm đó.

- Thực hiện cấp phát máu và chế phẩm máu hoà hợp
- Lấy và bảo quản bệnh phẩm.
- Sử dụng các trang thiết bị và xử lý dụng cụ thí nghiệm trong phòng xét nghiệm hoá sinh, huyết học, vi sinh.
- Làm và biện luận được thông số tổng phân tích nước tiểu, các xét nghiệm trong dịch não tủy, dịch chọc dò; xét nghiệm điện giải; xét nghiệm khí máu.
- Thực hành được một số xét nghiệm hóa sinh cơ bản: Ure, glucose, creatinin. GOT, GPT, Cholesterol, triglycerid, Protein toàn phần, amylase; định lượng protein trong nước tiểu, dịch chọc dò; ...trên hệ thống máy bán tự động và tự động
- Định danh được một số vi khuẩn Gram (-) gây bệnh thường gặp: Họ vi khuẩn đường ruột (*Enterobacteriaceae*), *Pseudomonas aeruginosa*.
- Định danh được một số vi khuẩn Gram (+) gây bệnh thường gặp: *Staphylococcus aureus*, *Streptococcus pneumoniae*, *Streptococcus pyogenes*, *Enterococci*.
- Thực hiện được quy trình kỹ thuật đánh giá độ nhạy của vi khuẩn với kháng sinh bằng phương pháp khoanh giấy khuếch tán.
- Định danh được *Candida* gây bệnh thường gặp.
- Thực hiện nhuộm soi chẩn đoán được một số nấm, ký sinh trùng gây bệnh thường gặp.
- Kiến tập các xét nghiệm miễn dịch chẩn đoán một số virus gây bệnh thường gặp.
- Thực hành tốt các thao tác cố định, chuyển bệnh phẩm
- Thực hiện tốt các thao tác cắt tiêu bản
- Thực hiện tốt các thao tác nhuộm tiêu bản theo các phương pháp

4. Mục tiêu thái độ:

- Rèn luyện tác phong cần cù, chịu khó, tích cực, trung thực và ý thức tuân thủ các qui trình chuyên môn.

- Rèn luyện thói quen cập nhật những thông tin mới sẵn sàng tiếp nhận triển khai các kỹ thuật mới.

- Rèn luyện tính cẩn thận, trách nhiệm, đảm bảo an toàn khi thực hiện các xét nghiệm.

- Rèn luyện tác phong ngăn nắp, có tổ chức

VI. PHÂN BỐ CHƯƠNG TRÌNH

Chương trình đào tạo thực hành sau tốt nghiệp được triển khai trong 6 tháng gồm nội dung, phân bố như sau:

STT	Lĩnh vực thực hành	Nội dung	Tổng số	
			Số tiết	Thời lượng
1	Hồi sức cấp cứu	Thực hành tại chuyên khoa Hồi sức cấp cứu: Cấp cứu cơ bản Tiếp cận và chăm sóc trẻ bệnh nặng Chăm sóc trẻ sơ sinh suy hô hấp Theo dõi và chăm sóc bệnh nhân thở máy Quy trình kỹ thuật bóp bóng qua mask Quy trình kỹ thuật hút dịch nội khí quản Quy trình kỹ thuật hút dịch nội khí quản Quy trình kỹ thuật phụ giúp bác sỹ đặt nội khí quản Quy trình kỹ thuật phụ giúp bác sỹ đặt tĩnh mạch dưới đòn * Kiểm tra đánh giá kỹ thực hành chuyên khoa Hồi sức cấp cứu	160 tiết	04 tuần
2	Xét nghiệm	Thực hành chuyên khoa xét nghiệm:	880 tiết	22 tuần

STT	Lĩnh vực thực hành	Nội dung	Tổng số	
			Số tiết	Thời lượng
		Cách sử dụng trang thiết bị, y cụ trong phòng xét nghiệm An toàn phòng xét nghiệm Các phương pháp sử dụng trong phòng xét nghiệm Lấy mẫu bệnh phẩm xét nghiệm Các xét nghiệm hóa sinh và ứng dụng trong thực hành lâm sàng Các xét nghiệm huyết học – truyền máu và ứng dụng trong thực hành lâm sàng Các xét nghiệm vi sinh – sinh học phân tử và ứng dụng trong thực hành lâm sàng Các xét nghiệm nuôi cấy, định danh vi sinh vật, kháng sinh đồ và ứng dụng trong thực hành lâm sàng Các xét nghiệm giải phẫu bệnh và ứng dụng trong thực hành lâm sàng Đảm bảo chất lượng xét nghiệm Nội kiểm, ngoại kiểm xét nghiệm Quản lý trang thiết bị trong phòng xét nghiệm Quản lý thuốc thử, vật tư trong phòng xét nghiệm Quản lý quá trình xét nghiệm và các yếu tố ảnh hưởng đến kết quả xét nghiệm		

STT	Lĩnh vực thực hành	Nội dung	Tổng số	
			Số tiết	Thời lượng
		* Kiểm tra đánh giá kỹ thực hành khoa xét nghiệm		
Tổng			1.040 tiết	26 tuần

VII. CẤP XÁC NHẬN THỜI GIAN THỰC HÀNH

Những học viên đủ các tiêu chuẩn sau đây được Giám đốc Bệnh viện cấp Giấy xác nhận thời gian thực hành tại Bệnh viện Nhi Thái Bình:

Không bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên trong thời gian tham dự khóa học.

Hoàn thành đầy đủ chỉ tiêu thực hành.

Điểm thi lý thuyết và thực hành kết thúc toàn đợt thực hành đạt từ 6.0 điểm trở lên

(Thang điểm 10).

Có nhận xét bằng văn bản của người hướng dẫn thực hành đối với người thực hành đạt các yêu cầu khóa đào tạo

Giấy xác nhận Thực hành khám bệnh, chữa bệnh đối với chức danh Kỹ thuật Y có phạm vi hành nghề xét nghiệm y học 6 tháng theo quy định tại Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ về việc “Quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh”, Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ Y tế về việc “Quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh”./.

BỆNH VIỆN NHI THÁI BÌNH

SỞ Y TẾ THÁI BÌNH
BỆNH VIỆN NHI

**KHUNG CHƯƠNG TRÌNH THỰC HÀNH
KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH ĐỐI VỚI CHỨC DANH
KỸ THUẬT Y CÓ PHẠM VI HÀNH NGHỀ
HÌNH ẢNH Y HỌC**

Thái Bình, năm 2024

SỞ Y TẾ THÁI BÌNH
BỆNH VIỆN NHI

**KHUNG CHƯƠNG TRÌNH THỰC HÀNH
KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH ĐỐI VỚI CHỨC DANH
KỸ THUẬT Y CÓ PHẠM VI HÀNH NGHỀ
HÌNH ẢNH Y HỌC**

**KHUNG CHƯƠNG TRÌNH THỰC HÀNH
KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH ĐỐI VỚI CHỨC DANH
KỸ THUẬT Y CÓ PHẠM VI HÀNH NGHỀ HÌNH ẢNH Y HỌC**

I. NỘI DUNG:

Chương trình thực hành khám bệnh, chữa bệnh đối với chức danh kỹ thuật y có phạm vi hành nghề hình ảnh y học

II. THỜI GIAN:

6 tháng (26 tuần – Tương ứng 1.040 tiết học)

III. ĐỐI TƯỢNG THAM DỰ:

- Văn bằng kỹ thuật viên hình ảnh y học trình độ cao đẳng, đại học do cơ sở giáo dục trong nước cấp.
- Trường hợp văn bằng tốt nghiệp do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp được Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội công nhận tương đương văn bằng đào tạo trong nước.

IV. NGƯỜI HƯỚNG DẪN:

Bác sĩ chuyên khoa I, bác sĩ, Kỹ thuật viên đại học có trình độ chuyên môn cao theo quy định của Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ “Quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh”, Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ Y tế về việc quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh.

Có thời gian hành nghề liên tục từ 03 năm trở lên .

V. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung: Sau khi kết thúc khóa học, học viên được xác nhận thời gian thực hành là cơ sở cấp chứng chỉ hành nghề theo Nghị định số 96/2023/NĐ-CP của Chính phủ.

2. Mục tiêu kiến thức:

- Hiểu được nguyên lý tia X và an toàn bức xạ

- Trình bày được các kỹ thuật chụp X quang cơ bản, chụp cắt lớp vi tính, cộng hưởng từ.

- Nhận biết được một số bệnh lý thường gặp về thần kinh, hô hấp, tiêu hoá, tiết niệu sinh dục, cơ xương khớp....trên phim chụp Xquang, cắt lớp vi tính cơ bản và cộng hưởng từ

3. Mục tiêu kỹ năng:

- Thực hiện được các kỹ năng trên máy về kỹ thuật chụp X quang, chụp cắt lớp vi tính, cộng hưởng từ và một số kỹ thuật nhận biết hình ảnh cơ bản trên cắt lớp vi tính và cộng hưởng từ.

- Dựa vào các dấu hiệu lâm sàng để đưa ra kỹ thuật chụp X quang, chụp cắt lớp vi tính, cộng hưởng từ cho mỗi trường hợp cụ thể để giúp bác sĩ chẩn đoán.

- Thực hiện được các kỹ thuật cơ bản của kỹ thuật chụp X quang, chụp cắt lớp vi tính, cộng hưởng từ

4. Mục tiêu thái độ:

- Có tinh thần trách nhiệm, khẩn trương, có ý thức hợp tác trong khi làm việc.

- ứng xử hợp lý trước các tình huống thực tế, có được sự tin cậy của bệnh nhân và người nhà.

- Biết được những kiến thức liên quan đến an toàn trong chụp X quang, cắt lớp vi tính và cộng hưởng từ

VI. PHÂN BỐ CHƯƠNG TRÌNH

Chương trình đào tạo thực hành sau tốt nghiệp được triển khai trong 6 tháng gồm nội dung, phân bố như sau:

Stt	Lĩnh vực thực hành	Nội dung	Tổng số	
			Số tiết	Thời lượng
1	Hồi sức cấp cứu	Thực hành tại chuyên khoa Hồi sức cấp cứu: Cấp cứu cơ bản Tiếp cận và chăm sóc trẻ bệnh nặng Chăm sóc trẻ sơ sinh suy hô hấp	160 tiết	04 tuần

Stt	Lĩnh vực thực hành	Nội dung	Tổng số	
			Số tiết	Thời lượng
		Theo dõi và chăm sóc bệnh nhân thở máy Quy trình kỹ thuật bóp bóng qua mask Quy trình kỹ thuật hút dịch nội khí quản Quy trình kỹ thuật hút dịch nội khí quản Quy trình kỹ thuật phụ giúp bác sỹ đặt nội khí quản Quy trình kỹ thuật phụ giúp bác sỹ đặt tĩnh mạch dưới đòn * Kiểm tra đánh giá kỹ thực hành chuyên khoa Hồi sức cấp cứu		
2	Chẩn đoán hình ảnh	Thực hành chuyên khoa chẩn đoán hình ảnh: Kỹ thuật chụp Xquang tim phổi Kỹ thuật chụp Xquang xương sườn Kỹ thuật chụp Xquang xương ức Kỹ thuật chụp Xquang khớp ức đòn Các lỗi hay gặp khi chụp Xquang tim phổi Kỹ thuật chụp Xquang bàn tay Kỹ thuật chụp Xquang cổ tay Kỹ thuật chụp Xquang cẳng tay Kỹ thuật chụp Xquang khuỷu tay Kỹ thuật chụp Xquang cánh tay Kỹ thuật chụp Xquang xương bả vai, xương đòn và khớp vai	880 tiết	22 tuần

Stt	Lĩnh vực thực hành	Nội dung	Tổng số	
			Số tiết	Thời lượng
		Kỹ thuật chụp Xquang bàn chân Kỹ thuật chụp Xquang cổ chân Kỹ thuật chụp Xquang cẳng chân Kỹ thuật chụp Xquang khớp gối Kỹ thuật chụp Xquang xương đùi Kỹ thuật chụp Xquang khớp háng Kỹ thuật chụp Xquang xương chậu Kỹ thuật chụp Xquang cột sống cổ Kỹ thuật chụp Xquang cột sống ngực Kỹ thuật chụp Xquang cột sống thắt lưng Kỹ thuật chụp Xquang xương cụt Tỷ trọng và cửa sổ trong cắt lớp vi tính Kỹ thuật chụp cắt lớp vi tính sọ não trong chấn thương Kỹ thuật chụp cắt lớp vi tính sọ não có tiêm thuốc cản quang Kỹ thuật chụp cắt lớp vi tính phổi phân giải cao Kỹ thuật chụp cắt lớp vi tính ổ bụng trong chấn thương Kỹ thuật chụp cắt lớp vi tính gan ba pha Kỹ thuật chụp cắt lớp vi tính hệ tiết niệu Kỹ thuật siêu âm gan mật		

Stt	Lĩnh vực thực hành	Nội dung	Tổng số	
			Số tiết	Thời lượng
		Kỹ thuật siêu âm tuy Kỹ thuật siêu âm lách Kỹ thuật siêu âm hệ tiết niệu Kỹ thuật siêu âm ống tiêu hoá Kỹ thuật siêu âm tuyến giáp * Kiểm tra đánh giá kỹ thực hành khoa chẩn đoán hình ảnh		
Tổng			1.040 tiết	24 tuần

VII. CẤP XÁC NHẬN THỜI GIAN THỰC HÀNH

Những học viên đủ các tiêu chuẩn sau đây được Giám đốc Bệnh viện cấp Giấy xác nhận thời gian thực hành tại Bệnh viện Nhi Thái Bình:

Không bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên trong thời gian tham dự khóa học.

Hoàn thành đầy đủ chỉ tiêu thực hành.

Điểm thi lý thuyết và thực hành kết thúc toàn đợt thực hành đạt từ 6.0 điểm trở lên

(Thang điểm 10).

Có nhận xét bằng văn bản của người hướng dẫn thực hành đối với người thực hành đạt các yêu cầu khóa đào tạo

Giấy xác nhận Thực hành khám bệnh, chữa bệnh đối với chức danh Kỹ thuật Y có phạm vi hành nghề hình ảnh y học 6 tháng theo quy định tại Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ về việc “Quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh”, Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ Y tế về việc “Quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh”./.

BỆNH VIỆN NHI THÁI BÌNH

SỞ Y TẾ THÁI BÌNH
BỆNH VIỆN NHI

**KHUNG CHƯƠNG TRÌNH THỰC HÀNH
KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH ĐỐI VỚI CHỨC DANH
KỸ THUẬT Y CÓ PHẠM VI HÀNH NGHỀ
PHỤC HỒI CHỨC NĂNG**

Thái Bình, năm 2024

SỞ Y TẾ THÁI BÌNH
BỆNH VIỆN NHI

**KHUNG CHƯƠNG TRÌNH THỰC HÀNH
KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH ĐỐI VỚI CHỨC DANH
KỸ THUẬT Y CÓ PHẠM VI HÀNH NGHỀ
PHỤC HỒI CHỨC NĂNG**

**KHUNG CHƯƠNG TRÌNH THỰC HÀNH
KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH ĐỐI VỚI CHỨC DANH
KỸ THUẬT Y CÓ PHẠM VI HÀNH NGHỀ
PHỤC HỒI CHỨC NĂNG**

I. NỘI DUNG:

Chương trình thực hành khám bệnh, chữa bệnh đối với chức danh kỹ thuật y có phạm vi hành nghề phục hồi chức năng

II. THỜI GIAN:

6 tháng (26 tuần – Tương ứng 1.040 tiết học)

III. ĐỐI TƯỢNG THAM DỰ:

- Văn bằng kỹ thuật viên phục hồi chức năng trình độ cao đẳng, đại học do cơ sở giáo dục trong nước cấp.
- Trường hợp văn bằng tốt nghiệp do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp được Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội công nhận tương đương văn bằng đào tạo trong nước.

IV. NGƯỜI HƯỚNG DẪN:

Bác sĩ chuyên khoa II, bác sĩ, Kỹ thuật viên đại học có trình độ chuyên môn cao theo quy định của Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ về việc “Quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh”, Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ Y tế về việc “Quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh”.

Có thời gian hành nghề liên tục từ 03 năm trở lên .

V. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung:

Sau khi kết thúc khóa học học viên được xác nhận thời gian thực hành là cơ sở cấp chứng chỉ hành nghề theo Nghị định số 96/2023/NĐ-CP của Chính phủ.

2. Mục tiêu kiến thức:

- Trình bày được các quy định về quản lý, vận hành, bảo dưỡng và sử dụng các nguồn lực chăm sóc, Phục hồi chức năng cho người bệnh.

- Trình bày được các tình huống áp dụng phòng ngừa chuẩn trong chăm sóc Phục hồi chức năng cho người bệnh.

- Trình bày được các hành vi nguy cơ và các giải pháp đảm bảo an toàn người bệnh liên quan đến công tác Phục hồi chức năng.

- Mô tả được nhu cầu tư vấn, giáo dục sức khỏe phù hợp với người bệnh và gia đình người bệnh.

- Trình bày được các văn bản quy phạm pháp luật, các quy định liên quan đến công tác phục hồi chức năng trong bệnh viện.

3. Mục tiêu kỹ năng:

- Áp dụng được quy trình kỹ thuật và thực hành dựa trên bằng chứng trong Phục hồi chức năng cho người bệnh (Khám, lượng giá, xây dựng mục tiêu, xây dựng và thực hiện kế hoạch điều trị phù hợp với người bệnh).

- Thực hiện thành thạo các kỹ thuật phục hồi chức năng cơ bản trên người bệnh đảm bảo an toàn và hiệu quả.

- Phát hiện sớm các diễn biến bất thường trên người bệnh, phản vệ, ngừng tuần hoàn, ngừng hô hấp), ra quyết định xử trí ban đầu và phối hợp với các thành viên trong nhóm thực hiện sơ cứu, cấp cứu kịp thời và hiệu quả.

- Thực hiện đúng quy trình thực hành phòng ngừa chuẩn và kiểm soát nhiễm khuẩn bệnh viện.

- Thực hiện đúng các quy định về an toàn người bệnh trong thực hành chăm sóc, Phục hồi chức năng và báo cáo sự cố y khoa.

- Giao tiếp công sở, giao tiếp với người bệnh/gia đình người bệnh phù hợp với văn hóa, tín ngưỡng; giao tiếp được với người bệnh có trở ngại (*hôn mê, tâm thần, khiếm thính, khiếm thị...*).

- Cung cấp thông tin liên quan tới quá trình Phục hồi chức năng cho người bệnh/ gia đình người bệnh đầy đủ và kịp thời; Giáo dục sức khỏe và tư vấn cho người bệnh/ gia đình NB phù hợp.

- Vận hành và bảo quản các thiết bị chuyên môn liên quan tới công việc đúng

quy trình, đúng quy định, đảm bảo an toàn hiệu quả.

- Thực hiện ghi chép, quản lý hồ sơ bệnh án đúng quy định.
- Hợp tác làm việc nhóm tốt.
- Ứng dụng được công nghệ thông tin vào công tác Phục hồi chức năng cho người bệnh.
- Áp dụng được CNL cơ bản vào chăm sóc, Phục hồi chức năng cho người bệnh.

4. Mục tiêu thái độ:

Tuân thủ đúng các quy định của Pháp luật liên quan và Tiêu chuẩn đạo đức khi thực hành nghề nghiệp.

Hình thành được ý thức học tập liên tục để duy trì, phát triển năng lực cho bản thân và nghề nghiệp.

Hình thành được tác phong cẩn thận, tỉ mỉ, trung thực, tôn trọng, hợp tác với người bệnh và đồng nghiệp, đảm bảo an toàn khi chăm sóc Phục hồi chức năng cho người bệnh, chịu trách nhiệm cá nhân khi thực hành nghề nghiệp.

VI. PHÂN BỐ CHƯƠNG TRÌNH

Chương trình đào tạo thực hành sau tốt nghiệp được triển khai trong 6 tháng gồm nội dung, phân bố như sau:

Stt	Lĩnh vực thực hành	Nội dung	Tổng số	
			Số tiết	Thời lượng
1	Hồi sức cấp cứu	Thực hành tại chuyên khoa Hồi sức cấp cứu: Cấp cứu cơ bản Tiếp cận và chăm sóc trẻ bệnh nặng Chăm sóc trẻ sơ sinh suy hô hấp Theo dõi và chăm sóc bệnh nhân thở máy Quy trình kỹ thuật bóp bóng qua mask Quy trình kỹ thuật hút dịch nội khí quản Quy trình kỹ thuật hút dịch nội khí quản	160 tiết	04 tuần

Stt	Lĩnh vực thực hành	Nội dung	Tổng số	
			Số tiết	Thời lượng
		Quy trình kỹ thuật phụ giúp bác sỹ đặt nội khí quản Quy trình kỹ thuật phụ giúp bác sỹ đặt tĩnh mạch dưới đòn * Kiểm tra đánh giá kỹ thực hành chuyên khoa Hồi sức cấp cứu		
2	Phục hồi chức năng	Thực hành chuyên khoa phục hồi chức năng: Rối loạn phổ tự kỷ Tăng động giảm chú ý Chậm phát triển tâm thần vận động Các rối loạn tic Bại não trẻ em Liệt VII ngoại biên Cứng khớp sau bó bột Vẹo cổ bẩm sinh Điều trị bằng dòng điện một chiều đều Điều trị bằng điện phân dẫn thuốc Điều trị bằng các dòng điện xung Điều trị bằng tia hồng ngoại Tập kéo dẫn Kỹ thuật kéo giãn cho trẻ em bị vẹo cổ do xơ cơ ức đòn chũm Kỹ thuật tập vận động cho trẻ xơ hóa cơ Kỹ thuật xoa bóp Kỹ thuật vận động môi miệng chuẩn bị cho trẻ tập nói Tập nói Tập phát âm	880 tiết	22 tuần

Stt	Lĩnh vực thực hành	Nội dung	Tổng số	
			Số tiết	Thời lượng
		Tập giao tiếp Tập sửa lỗi phát âm Kỹ thuật kiểm soát đầu, cổ và thân mình Kỹ thuật kiểm soát tư thế ngồi Kỹ thuật kiểm soát tư thế bò * Kiểm tra đánh giá kỹ thực hành khoa phục hồi chức năng		
Tổng			1.040 tiết	26 tuần

VII. CẤP XÁC NHẬN THỜI GIAN THỰC HÀNH

Tham gia trên 90% thời lượng khoá học.

Không vi phạm nội quy, quy định của Bệnh viện, khoa phòng và khóa đào tạo.

Điểm trung bình chung của khóa học đạt từ 6 điểm trở lên

Hoàn thành ít nhất 10 bài tập nghiên cứu ca bệnh áp dụng theo đúng quy trình Phục hồi chức năng.

Có nhận xét bằng văn bản của người hướng dẫn thực hành đối với người thực hành đạt các yêu cầu khóa đào tạo.

Giấy xác nhận Thực hành khám bệnh, chữa bệnh đối với chức danh Kỹ thuật Y có phạm vi hành nghề Phục hồi chức năng 6 tháng theo quy định tại Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ về việc “Quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh”, Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ Y tế về việc “Quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh”./.

BỆNH VIỆN NHI THÁI BÌNH

Số: 4367 /QC-YDTB-BVNTB

Thái Bình, ngày 05 tháng 10 năm 2023

QUY CHẾ

Phối hợp thực hiện nhiệm vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học và khám chữa bệnh giữa Trường Đại học Y Dược Thái Bình và Bệnh viện Nhi Thái Bình

Căn cứ Quyết định số 34/CP ngày 24 tháng 01 năm 1979 của Hội đồng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Y Thái Bình; Quyết định số 2154/QĐ-TTg ngày 11 tháng 11 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc đổi tên Trường Đại học Y Thái Bình thành Trường Đại học Y Dược Thái Bình;

Căn cứ Quyết định số 3212/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2021 của UBND tỉnh Thái Bình về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bệnh viện Nhi Thái Bình trực thuộc Sở Y tế;

Căn cứ Nghị định số 111/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ về việc ban hành Quy định về tổ chức đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành khoa học sức khỏe;

Căn cứ Kết luận Hội nghị giữa Trường Đại học Y Dược Thái Bình và Bệnh viện Nhi Thái Bình ngày 06 tháng 10 năm 2023 về công tác Phối hợp thực hiện nhiệm vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học và khám chữa bệnh giữa Trường Đại học Y Dược Thái Bình với Bệnh viện Nhi Thái Bình;

Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Thái Bình và Giám đốc Bệnh viện Nhi Thái Bình thống nhất ban hành **Quy chế phối hợp thực hiện nhiệm vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học và khám chữa bệnh giữa Trường Đại học Y Dược Thái Bình và Bệnh viện Nhi Thái Bình** (gọi tắt là Quy chế phối hợp Viện – Trường) như sau:

CHƯƠNG I**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng**

1. Quy chế này quy định cơ chế phối hợp giữa Trường Đại học Y Dược Thái Bình (sau đây gọi tắt là Trường) và Bệnh viện Nhi Thái Bình (sau đây gọi tắt là Bệnh viện) trong các hoạt động giảng dạy, quản lý người học; nghiên cứu khoa học; khám, điều trị và cấp cứu người bệnh.

2. Quy chế này áp dụng đối với các Phòng, Ban, Khoa, Bộ môn, Trung tâm của Trường và Bệnh viện (sau đây gọi chung là Đơn vị); giảng viên, viên chức, người lao động của Trường và Bệnh viện (sau đây gọi chung là Cán bộ).

Điều 2. Nguyên tắc phối hợp

1. Quan hệ phối hợp giữa Trường và Bệnh viện phải đảm bảo tăng cường hiệu quả trong các hoạt động của từng bên; không gây cản trở trong việc thực hiện công tác của mỗi đơn vị.
2. Các hoạt động phối hợp giữa 2 bên bảo đảm sự thống nhất dưới sự quản lý, chỉ đạo của Ban Giám hiệu Trường và Ban Giám đốc Bệnh viện.
3. Phân công, phân cấp rõ ràng, đề cao trách nhiệm và phát huy tính chủ động, sáng tạo của các đơn vị và từng cán bộ của Trường, Bệnh viện. Trường đơn vị phải chịu trách nhiệm về công việc được giao trong phối hợp giữa Trường và Bệnh viện.

CHƯƠNG II NỘI DUNG HỢP TÁC

Điều 3. Phối hợp trong công tác tổ chức cán bộ

1. Căn cứ nhu cầu, điều kiện cụ thể, Trường và Bệnh viện có thể xem xét bổ nhiệm kiêm nhiệm cán bộ quản lý của Khoa và Bộ môn theo đúng quy định hiện hành.
2. Kết hợp cán bộ làm chuyên môn Bệnh viện là giảng viên thỉnh giảng của Trường. Lãnh đạo Bộ môn và Khoa thống nhất danh sách đề nghị giảng viên thỉnh giảng, báo cáo lãnh đạo Trường và Bệnh viện. Sau khi có văn bản đồng ý của cá nhân và Ban Giám đốc Bệnh viện, Hiệu trưởng Trường ra quyết định mời giảng viên thỉnh giảng năm học. Hằng năm lãnh đạo Trường và Bệnh viện xem xét việc thay đổi, bổ sung giảng viên thỉnh giảng tùy thuộc yêu cầu và nhiệm vụ cụ thể
3. Cán bộ của Trường làm công tác chuyên môn tại Bệnh viện: Hằng năm, Trường thông báo với Bệnh viện danh sách giảng viên sẽ tham gia công tác khám chữa bệnh, trực tại Bệnh viện. Giám đốc Bệnh viện xem xét và giao các Khoa, Phòng tiếp nhận, phân công nhiệm vụ. Cán bộ tham gia công tác chuyên môn tại Bệnh viện phải có chứng chỉ hành nghề phù hợp với lĩnh vực khám chữa bệnh và cung cấp chứng chỉ hành nghề cho phòng Kế hoạch tổng hợp của Bệnh viện. Những cán bộ có thay đổi về bằng cấp, trình độ chuyên môn phải cung cấp bổ sung bằng cấp, chứng chỉ cho Bệnh viện; cán bộ lần đầu tham gia công tác chuyên môn tại Bệnh viện phải có chứng chỉ hành nghề phù hợp và trích ngang có xác nhận của Trường.

Điều 4. Kết hợp trong công tác đào tạo và quản lý người học

1. Trách nhiệm của Trường
 - a) Trước khi bắt đầu năm học mới, Lãnh đạo Trường thông báo, trao đổi với Lãnh đạo Bệnh viện về kế hoạch năm học, những vấn đề mới phát sinh và đề xuất biện pháp giải quyết.

b) Xây dựng và ký hợp đồng nguyên tắc về việc thực hiện kế hoạch đào tạo của năm học với Bệnh viện. Những đề xuất cần phối hợp với Bệnh viện để cho kế hoạch đào tạo của Trường được lồng ghép vào kế hoạch hoạt động của Bệnh viện

c) Chuyển kế hoạch đào tạo chi tiết, mục tiêu yêu cầu học tập của từng đối tượng cho Bệnh viện đến từng Khoa, Phòng.

d) Cử cán bộ tham gia công tác chuyên môn theo yêu cầu của Bệnh viện và điều kiện thực tế của Bộ môn trong thời gian có sinh viên, học viên (sau đây gọi tắt là người học) học tập tại Bệnh viện. Cán bộ thực hiện nhiệm vụ chuyên môn theo sự phân công của Khoa và phải thực hiện nghiêm chỉnh các chế độ chuyên môn, nội quy, quy định của Bệnh viện.

đ) Phân công giảng dạy cho các giảng viên thỉnh giảng, tạo điều kiện cho các giảng viên thỉnh giảng được sử dụng thư viện, sách báo, tài liệu chuyên môn, nâng cao trình độ về nghiệp vụ và phương pháp giảng dạy, đề nghị xét, bổ nhiệm các chức danh học hàm khi có đủ tiêu chuẩn.

e) Gửi nhận xét về giảng viên thỉnh giảng khi có yêu cầu của Bệnh viện.

g) Trang bị các phương tiện, đồ dùng cho các phòng làm việc, phòng học mà Bệnh viện đã bố trí dành cho Trường.

h) Tổ chức đánh giá công tác đào tạo và quản lý người học hằng năm ở 2 cấp:

- Cấp Khoa và Bộ môn: do lãnh đạo Bộ môn và Khoa chịu trách nhiệm tổ chức.

- Cấp Bệnh viện và Trường: do lãnh đạo Trường và Bệnh viện tổ chức.

i) Thanh lý hợp đồng đã ký đúng thời hạn.

2. Trách nhiệm của Bệnh viện

a) Triển khai giao nhiệm vụ cụ thể cho các đơn vị công tác đào tạo và quản lý người học theo kế hoạch của Trường.

b) Ban hành phổ biến quy định về nội quy làm việc, học tập của cán bộ, người học tại Bệnh viện và các Khoa, Phòng.

c) Phân công nhiệm vụ phù hợp với năng lực chuyên môn cho các giảng viên của Trường; quản lý, đánh giá cán bộ Trường trong thời gian làm việc tại Bệnh viện.

d) Tạo điều kiện cho người học học tập, quản lý và đánh giá người học sau mỗi đợt học tập.

đ) Lựa chọn giới thiệu cán bộ tham gia đào tạo theo tiêu chuẩn giảng viên kiêm nhiệm, tạo điều kiện thuận lợi cho các giảng viên kiêm nhiệm hoàn thành nhiệm vụ. Giảng viên kiêm nhiệm chịu trách nhiệm trước Hiệu trưởng Trường về việc thực hiện các nội quy, quy chế đào tạo và được hưởng các quyền lợi theo quy định hiện hành.

e) Bố trí phòng làm việc cho cán bộ của Bộ môn; phòng học, giao ban, tủ để đồ cho người học theo kế hoạch đào tạo của Trường và điều kiện cụ thể của Bệnh viện.

g) Lãnh đạo các đơn vị có trách nhiệm thường xuyên báo cáo tình hình và kết quả thực hiện nhiệm vụ, đề xuất biện pháp giải quyết vướng mắc, khó khăn và hình

thức xử lý các trường hợp cán bộ, người học có sai phạm với Lãnh đạo Bệnh viện và Trường.

h) Phối hợp tổ chức tốt việc đánh giá công tác đào tạo và quản lý người học hàng năm ở 2 cấp: cấp Khoa và Bộ môn, cấp Bệnh viện và Trường.

Điều 5. Kết hợp trong công tác nghiên cứu khoa học, công nghệ (KHCN)

1. Trách nhiệm của Trường

a) Hàng năm, Trường thông báo cho Bệnh viện kế hoạch hợp tác và hoạt động KHCN triển khai tại Bệnh viện.

b) Tạo điều kiện cho cán bộ Bệnh viện tham gia nghiên cứu, thẩm định, đánh giá các chương trình, đề tài nghiên cứu liên quan đến chuyên môn hoặc có sử dụng nguồn thông tin, dữ liệu, kinh phí của Bệnh viện.

c) Tạo điều kiện cho cán bộ Bệnh viện tham gia các lớp tập huấn về phương pháp, kỹ năng nghiên cứu khoa học.

d) Thông báo kết quả nghiên cứu khoa học cho Bệnh viện và áp dụng thực tiễn trong đào tạo, khám chữa bệnh.

2. Trách nhiệm của Bệnh viện

a) Hàng năm, Bệnh viện thông báo cho Trường kế hoạch, yêu cầu, đề xuất triển khai hoạt động KHCN phối hợp với Trường.

b) Tạo điều kiện cho cán bộ, người học triển khai các đề tài nghiên cứu sử dụng nguồn thông tin, dữ liệu của Bệnh viện

c) Cử cán bộ tham gia nghiên cứu, thẩm định, đánh giá các chương trình, đề tài nghiên cứu theo đề xuất của Trường.

Điều 6. Kết hợp trong công tác khám chữa bệnh

1. Trách nhiệm của Trường

a) Giảng viên khối lâm sàng được bộ môn cử tham gia giảng dạy tại Bệnh viện có trách nhiệm tham gia thường xuyên công tác khám chữa bệnh, điều trị, trực (sau đây gọi tắt là công tác chuyên môn) tại khoa chuyên môn của Bệnh viện theo sự phân công của Trưởng khoa và sự chịu sự quản lý của Trưởng khoa, phòng Tổ chức cán bộ. Trưởng các Bộ môn lâm sàng chịu trách nhiệm trước Hiệu trưởng về việc phân công cán bộ tham gia công tác chuyên môn tại Bệnh viện.

b) Cán bộ Trường tham gia công tác chuyên môn tại Bệnh viện phải chấp hành đầy đủ các quy định của ngành, nội quy, quy định của Bệnh viện và các Khoa, Phòng, có tinh thần trách nhiệm và thái độ hợp tác với các đồng nghiệp, thực hiện nghiêm 12 điều Y đức trong khám, điều trị và phục vụ người bệnh.

c) Cán bộ Trường tham gia công tác chuyên môn tại Bệnh viện chỉ sử dụng các phương tiện, thiết bị của Bệnh viện để phục vụ khám chữa bệnh và giảng dạy khi

được sự đồng ý của các Khoa, Phòng, tuân thủ quy định về việc sử dụng tài sản của Bệnh viện.

d) Trong quá trình giảng dạy phải tôn trọng các nguyên tắc, quy chế chuyên môn, có thái độ đúng mực và đảm bảo tuyệt đối an toàn cho người bệnh.

đ) Giáo dục cho người học ý thức tôn trọng người bệnh, thái độ cảm thông, chia sẻ, sẵn sàng giúp đỡ người bệnh khi được yêu cầu.

e) Cung cấp đầy đủ hồ sơ theo yêu cầu của Bệnh viện.

2. Trách nhiệm của Bệnh viện

a) Tiếp nhận và phân công nhiệm vụ chuyên môn theo phân cấp kỹ thuật của Hội đồng Khoa học và Đào tạo Bệnh viện cho cán bộ của Trường theo đúng chuyên môn, trình độ và năng lực.

b) Tạo điều kiện cho các cán bộ Trường thực hiện đúng các quy chế về chuyên môn theo quy định.

c) Tham gia quản lý, hướng dẫn người học khi tiếp xúc với người bệnh, thao tác thủ thuật, kỹ thuật và sử dụng các trang thiết bị, dụng cụ y tế.

Điều 7. Trách nhiệm của các phòng, ban trong Bệnh viện và Trường

1. Thực hiện nhiệm vụ do Ban Lãnh đạo phân công.

2. Xây dựng chương trình đào tạo chi tiết, hợp lý, đảm bảo tính khả thi và gửi đến các đơn vị thực hành trước khi vào năm học mới.

3. Sắp xếp, phân công cán bộ hợp lý; đánh giá nhận xét cán bộ thông qua phiếu lấy ý kiến của cán bộ Trường và Bệnh viện.

4. Xây dựng và thực hiện quy chế tài chính cho cán bộ theo quy định, thủ tục thanh toán thuận tiện, gọn nhẹ.

5. Chuẩn bị cơ sở vật chất (phòng học, trang thiết bị, vật tư...) đáp ứng nhu cầu dạy/học của giảng viên và người học.

6. Xây dựng kế hoạch nghiên cứu khoa học giữa Bệnh viện và Trường; đề xuất cán bộ tham gia Hội đồng nghiên cứu khoa học của 2 bên.

7. Tham gia thanh tra, kiểm tra, giám sát việc giảng dạy, làm việc và học tập của cán bộ và người học tại Bệnh viện.

8. Tổng kết, báo cáo việc thực hiện Quy chế hàng năm.

Điều 8. Trách nhiệm của các Bộ môn trong Trường

1. Về công tác giảng dạy

a) Đầu năm học thông báo kế hoạch giảng dạy (chương trình đào tạo, đối tượng, số lượng người học, thời gian học tập, địa điểm học tập...) cho Khoa.

b) Lập kế hoạch, phân công cán bộ giảng dạy (lý thuyết, lâm sàng) hàng tuần và thông báo sớm để Khoa có kế hoạch thực hiện.

c) Xây dựng cuốn Sổ tay lâm sàng (chi tiết các yêu cầu mà người học cần thực hiện).

d) Thống nhất với giảng viên thỉnh giảng về nội dung, phương pháp giảng dạy và lượng giá người học.

2. Quản lý cán bộ và người học

a. Quản lý cán bộ

- Theo quy định của Trường.
- Quản lý việc giảng dạy của giảng viên thỉnh giảng.
- Thực hiện vai trò cán bộ quản lý trong công tác quản lý tại Bệnh viện.
- Theo dõi và thanh toán giờ giảng cho giảng viên thỉnh giảng theo quy định của Trường.

b. Quản lý người học

- Thực hiện nghiêm nội quy, quy chế của Trường và Bệnh viện.
- Điểm danh người học.
- Xác nhận sổ tay lâm sàng cho người học.

3. Tham gia công tác bệnh viện

- a) Xác định công việc của Khoa là công việc của Bộ môn.
- b) Tham gia điều trị theo phân công của Khoa, Bệnh viện.
- c) Tham gia trực: ngày thường, ngày nghỉ (lễ, tết), trực cấp cứu theo sự phân công và yêu cầu của Khoa, Bệnh viện.
- d) Giao ban cùng Khoa hàng ngày.
- đ) Thực hiện các công việc khác (đào tạo lại, cấp cứu ngoại viện...) khi Khoa và Bệnh viện có yêu cầu.
- e) Được sử dụng các phương tiện, thiết bị của Bệnh viện để phục vụ khám chữa bệnh và giảng dạy theo quy định chung của Bệnh viện.

4. Nghiên cứu khoa học

- a) Tham gia nghiên cứu khoa học cùng với Khoa, Bệnh viện.
- b) Tham gia Hội đồng nghiên cứu khoa học của Bệnh viện (khi có yêu cầu).

Điều 9. Trách nhiệm của các Khoa trong Bệnh viện

1. Xác định công việc giảng dạy của Bộ môn là công việc của Khoa.
2. Cử cán bộ tham gia công tác giảng dạy và quản lý người học.
3. Phân công nhiệm vụ cho cán bộ của Bộ môn trong công tác Bệnh viện (khám chữa bệnh, trực, điều trị, cấp cứu...) và kiểm tra giám sát việc thực hiện nhiệm vụ của cán bộ đã được phân công.
4. Thực hiện công việc (giảng lâm sàng, lý thuyết, lượng giá người học) khi đã được Bộ môn phân công.
5. Kiểm tra, đánh giá (nhận xét vào sổ tay lâm sàng), điểm danh người học.
6. Tham gia đề tài nghiên cứu khoa học, Hội đồng khoa học với Bộ môn và Trường.
7. Tham gia giao ban trực tuyến tại Trường các chủ đề có liên quan.

8. Theo dõi và đề nghị thanh toán tiền trực, bồi dưỡng thủ thuật, phẫu thuật... cho cán bộ Trường theo quy định của Bệnh viện.

Điều 10. Quy định đối với người học

1. Đảm bảo thời gian học theo đúng quy định; nghỉ học phải xin phép và được sự đồng ý của lãnh đạo Bộ môn hoặc Khoa.

2. Trang phục và phù hiệu phải theo đúng quy định đối với người học.

3. Không tụ tập ở hành lang hoặc trong buồng bệnh để nói chuyện, cười đùa gây mất trật tự trong Bệnh viện. Ngoài thời gian thực tập có thể tập trung học hoặc trao đổi chuyên môn tại hội trường của Khoa.

4. Các nhóm trực, thực tập trong và ngoài giờ hành chính phải thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công của bác sĩ trực, phải cử nhóm trưởng phụ trách nhóm, khi cần cán bộ Bệnh viện chỉ đạo người học thông qua các nhóm trưởng.

5. Ngoài học tập chuyên môn phải tham gia chăm sóc, hướng dẫn, phục vụ người bệnh, thực hiện các quy định về y đức khi thực tập tại Bệnh viện.

6. Có trách nhiệm tham gia cùng các khoa, phòng làm vệ sinh hàng ngày và tổng vệ sinh hàng tuần.

7. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của Bệnh viện cũng như nội quy của các Khoa, Phòng. Những người học vi phạm quy định của Bệnh viện và nội quy của các Khoa, Phòng sẽ bị xử lý theo quy định của Trường, từ khiển trách, cảnh cáo tới đình chỉ học tập tùy mức độ vi phạm.

Điều 11. Chế độ tài chính

1. Hàng năm Trường thanh toán cho Bệnh viện phần kinh phí theo các hợp đồng đã ký.

2. Cán bộ Bệnh viện làm công tác của Trường và cán bộ Trường làm công tác của Bệnh viện được hưởng chế độ theo quy định hiện hành của Trường và Bệnh viện.

3. Các chức vụ lãnh đạo kiêm nhiệm của Trường và của Bệnh viện được áp dụng theo các quy định hiện hành.

CHƯƠNG 3

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 12. Tổ chức thực hiện

1. Hàng năm, Trường và Bệnh viện tổ chức đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, báo cáo cấp có thẩm quyền quản lý, xem xét, điều chỉnh quy chế cho phù hợp với điều kiện và tình hình cụ thể của mỗi bên.

2. Phòng Quản lý Đào tạo đại học, Quản lý Đào tạo sau đại học và Quản lý khoa học của Trường, Chỉ đạo tuyến của Bệnh viện là các đơn vị đầu mối tham mưu,

xây dựng kế hoạch, triển khai, giám sát và báo cáo kết quả thực hiện Quy chế này cho lãnh đạo Trường và Bệnh viện.

3. Phòng Quản trị của Trường và Phòng Chỉ đạo tuyến của Bệnh viện là đầu mối trong việc ký hợp đồng nguyên tắc và các hợp đồng đào tạo cụ thể theo đúng quy định hiện hành.

4. Trong quá trình tổ chức thực hiện nếu có những nội dung chưa có trong quy chế hoặc phát sinh khó khăn, vướng mắc, lãnh đạo Trường và Bệnh viện sẽ trao đổi, thảo luận biện pháp giải quyết theo tinh thần trách nhiệm, vì lợi ích của người bệnh, vì lợi ích của người học, vì sự phát triển hợp tác giữa Trường và Bệnh viện.

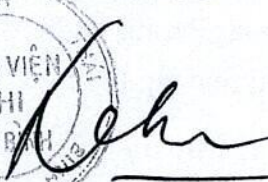
Điều 13. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.
2. Trong quá trình thực hiện, nếu có nội dung cần sửa đổi, bổ sung thì Trường và Bệnh viện cùng trao đổi, thống nhất điều chỉnh cho phù hợp.
3. Trường các đơn vị của Trường và Bệnh viện có trách nhiệm phổ biến, chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra việc tổ chức triển khai và thực hiện Quy chế này.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC THÁI BÌNH
HIỆU TRƯỞNG


PGS. TS. Nguyễn Duy Cường

BỆNH VIỆN NHI THÁI BÌNH
GIÁM ĐỐC


ThS. BSEKII. Lương Đức Sơn

Nơi nhận:

- Sở Y tế Thái Bình (để báo cáo);
- Chủ tịch Hội đồng trường ĐHYDTB (để báo cáo);
- Ban Giám hiệu Trường ĐHYDTB (để chỉ đạo);
- Ban Giám đốc BV Nhi Thái Bình (để chỉ đạo);
- Lưu: VT.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG THỎA THUẬN ĐÀO TẠO
GIỮA BỆNH VIỆN NHI THÁI BÌNH VÀ TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI
Số: 03/2022/HĐĐT-CKII-TB

Căn cứ Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/08/2021 quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 1637/2001/QĐ-BYT ngày 25/05/2001 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Quy chế đào tạo chuyên khoa cấp II Sau đại học;

Căn cứ Quyết định số 574/QĐ-ĐHYHN ngày 26/03/2021 ban hành quy chế chi tiêu nội bộ của Trường Đại học Y Hà Nội và Quyết định số 3611/QĐ-ĐHYHN ngày 11/9/2020 về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường Đại học Y Hà Nội;

Căn cứ Công văn số 1382/SYT-TCCB ngày 19/07/2021 của Sở Y tế tỉnh Thái Bình về việc đăng ký mở lớp đào tạo Lớp chuyên khoa II hệ tập trung theo chứng chỉ chuyên ngành Nhi khoa năm 2022;

Căn cứ Quyết định số 6695/QĐ-ĐHYHN ngày 28/12/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Hà Nội về việc công nhận trúng tuyển đào tạo Chuyên khoa cấp II hệ tập trung theo chứng chỉ khóa 2022-2025;

Căn cứ vào nhu cầu và thỏa thuận giữa 2 bên,

Hôm nay, ngày 30 tháng 12 năm 2022, tại Trường Đại học Y Hà Nội, chúng tôi gồm:

Bên A: Bệnh viện Nhi Thái Bình

- Đại diện : Ông Lương Đức Sơn
- Chức vụ : Giám đốc Bệnh viện Nhi Thái Bình
- Địa chỉ : Số 02, Tôn Thất Tùng, Phường Trần Lãm, Thành phố Thái Bình
- Tài khoản : 3714.0.1027184.00000
- Tại : Kho bạc Nhà nước tỉnh Thái Bình
- Mã số thuế : 1000426061

Bên B: Trường Đại học Y Hà Nội

- Đại diện : Ông Nguyễn Hữu Tú
- Chức vụ : Hiệu trưởng
- Địa chỉ : Số 01, Phố Tôn Thất Tùng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội
- Điện thoại : (024) 38523798. Fax: (024) 38525115.
- Tài khoản : 1221.0000.222.088 tại Ngân hàng BIDV, chi nhánh Hà Thành.
- Mã số thuế : 0101992865

Hai bên đã cùng nhau bàn bạc, thoả thuận và thống nhất ký hợp đồng với các điều khoản sau:

Điều 1. Nội dung của hợp đồng

Trường Đại học Y Hà Nội đồng ý đào tạo cho Bệnh viện Nhi Thái Bình 01 lớp Chuyên khoa cấp II hệ tập trung theo chứng chỉ chuyên ngành Nhi khoa gồm 12 học viên trúng tuyển theo Quyết định số 6695/QĐ-ĐHYHN ngày 28/12/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Hà Nội về việc công nhận trúng tuyển Chuyên khoa cấp II hệ tập trung theo chứng chỉ khóa 2022-2025.

Điều 2. Thời gian và địa điểm đào tạo

- Thời gian đào tạo: 3 năm (từ tháng 12/2022 đến tháng 12/2025).
- Hình thức đào tạo: Học tập trung từng đợt theo chứng chỉ.
- Địa điểm đào tạo: Tại Trường Đại học Y Hà Nội và các cơ sở thực hành của Nhà trường.

Điều 3. Kinh phí đào tạo và hình thức thanh toán

- Tổng kinh phí đào tạo toàn khóa học: 12 học viên x 9.500.000 đồng/tháng/học viên x 20 tháng = 2.280.000.000 đồng (Bằng chữ: Hai tỷ hai trăm tám mươi triệu đồng./.)
- **Hình thức thanh toán:** Thanh toán chuyển khoản. Kinh phí đào tạo được học viên chuyển trực tiếp về tài khoản Trường Đại học Y Hà Nội thành 3 lần:
 - + Lần 1 (năm học 2022-2023): Mức thu 66.500.000 đồng/học viên/7 tháng x 12 học viên = 798.000.000 đồng. Thời gian nộp kinh phí từ ngày 01-15/03/2023.
 - + Lần 2 (năm học 2023-2024): Mức thu 66.500.000 đồng/học viên/7 tháng x 12 học viên = 798.000.000 đồng. Thời gian nộp kinh phí từ ngày 01-15/03/2024.
 - + Lần 3 (năm học 2024-2025): Mức thu 57.000.000 đồng/học viên/6 tháng x 12 học viên = 684.000.000 đồng. Thời gian nộp kinh phí từ ngày 01-15/03/2025.

▪ **Thông tin chuyển khoản như sau:**

Tên đơn vị thụ hưởng: Trường Đại học Y Hà Nội

Số tài khoản: 1221.0000.222.088

Tại ngân hàng: Ngân hàng BIDV, chi nhánh Hà Thành.

Điều 4. Trách nhiệm của mỗi bên

4.1. Trách nhiệm bên A (Bệnh viện Nhi Thái Bình)

1. Phối hợp với bên B thành lập Ban tổ chức và cử cán bộ phụ trách lớp học. Thường xuyên liên hệ với bên B để tổ chức và thực hiện tốt kế hoạch học tập.
2. Tạo điều kiện cho học viên lớp CKII chuyên ngành Nhi khoa học thực hành lâm sàng tại các cơ sở thực hành của Trường đại học Y Hà Nội tại Bệnh viện Nhi Thái Bình.
3. Tạo điều kiện để 12 học viên trúng tuyển theo Quyết định số 6695/QĐ-ĐHYHN ngày 28/12/2022 tuyển tham gia đầy đủ và hoàn thành khóa học theo quy định.
4. Phối hợp với Trường Đại học Y Hà Nội đón tiếp học viên nộp kinh phí đào tạo theo quy định được nêu tại Điều 3 của Hợp đồng này.

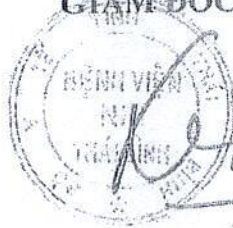
4.2. Trách nhiệm bên B (Trường Đại học Y Hà Nội)

1. Thành lập Ban tổ chức và quản lý lớp học trong suốt quá trình học tập, đảm bảo chất lượng đào tạo theo đúng mục tiêu, chương trình và quy chế đào tạo.
2. Chịu trách nhiệm xây dựng kế hoạch học tập, lịch thi, kiểm tra cho toàn khóa học và thông báo cho các học viên, các bộ môn liên quan thực hiện. Cử các giảng viên, cán bộ có kinh nghiệm, có đủ tiêu chuẩn theo quy định của Bộ Y tế tham gia giảng dạy và hướng dẫn lâm sàng cho học viên, đảm bảo đúng chương trình đào tạo và kế hoạch giảng dạy cho học viên.
3. Tổ chức thi, coi thi kết thúc các học phần, các chứng chỉ và thi tốt nghiệp đúng theo quy chế đào tạo hiện hành.
4. Xét và công nhận tốt nghiệp cho những học viên hoàn thành khóa học theo quy định. Báo cáo Bộ Y tế kết quả đào tạo và tổ chức trao bằng tốt nghiệp cho các học viên.
5. Tổ chức thu kinh phí đào tạo của toàn khóa học và lập dự toán, tổ chức chi các khoản chi phí cho toàn bộ khóa học gồm: thù lao giảng dạy lý thuyết và thực hành, ăn ở, đi lại của các giảng viên; thực hiện nghĩa vụ thuế; bổ sung nguồn kinh phí nhà trường; xây dựng cơ sở vật chất, chương trình, tài liệu giảng dạy, đào tạo giáo viên, quản lý đào tạo sau đại học và chi phí cho các hoạt động liên quan đào tạo trên cơ sở Dự trù kinh phí khóa học được Ban Giám hiệu phê duyệt.
6. Xuất hóa đơn thu kinh phí đào tạo cho từng học viên tham gia lớp học theo danh sách ở phụ lục đính kèm (Phụ lục I).

Điều 5. Điều khoản cam kết

1. Hai bên thống nhất các điều khoản nêu trên và cam kết thực hiện đúng các điều khoản hợp đồng.
2. Trong quá trình thực hiện, nếu có điểm mới phát sinh hoặc không phù hợp, hai bên sẽ cùng nhau bàn bạc và thống nhất lại theo yêu cầu của thực tế.
3. Hợp đồng này gồm 04 trang và được làm thành 04 bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 02 bản để đối chiếu thực hiện. /

ĐẠI DIỆN BÊN A
GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN



ThS.BSCKI. *Phạm Đức Sơn*

ĐẠI DIỆN BÊN B
HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Hữu Tú

Số: 01 /HĐ-BVN

Thái Bình, ngày 29 tháng 7 năm 2022

HỢP ĐỒNG NGUYÊN TẮC VỀ ĐÀO TẠO THỰC HÀNH

Căn cứ Bộ luật Dân sự ngày 24 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 111/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ về tổ chức đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe;

Hôm nay, ngày 29 tháng 7 năm 2022 tại Trường Cao đẳng Y tế Thái Bình, chúng tôi gồm:

BÊN A: BỆNH VIỆN NHI THÁI BÌNH

Địa chỉ: số 02 phố Tôn Thất Tùng, phường Trần Lãm, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

Đại diện là Ông: **LƯƠNG ĐỨC SƠN**

Chức vụ: Giám đốc Bệnh viện

Số điện thoại: 0227 643 260, Fax: 0227 643 260

Tài khoản : 3713.0.1027184.00000 tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Thái Bình.

BÊN B: TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ THÁI BÌNH

Địa chỉ: Số 290 đường Phan Bá Vành, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

Đại diện là Bà: **NGUYỄN THỊ THU DUNG**

Chức vụ: Hiệu trưởng

Điện thoại: 0227 844966, Fax: 0227 844966

Tài khoản: 52515599 - Ngân hàng VP Bank chi nhánh Thái Bình

Thỏa thuận ký kết hợp đồng đào tạo thực hành với những nội dung cơ bản sau đây:

Điều 1. Nội dung Hợp đồng đào tạo thực hành

1. Đối tượng thực hành: Học sinh, sinh viên trường Cao đẳng Y tế Thái Bình.

2. Số lượng người thực hành (dự kiến): 750 lượt HSSV/năm học.

3. Người hướng dẫn thực hành:

a) Người hướng dẫn thực hành của cơ sở thực hành: Số lượng ... giảng viên; trình độ chuyên môn Điều dưỡng Đại học (Có danh sách kèm theo)

b) Người hướng dẫn thực hành của cơ sở giáo dục: Số lượng giảng viên; trình độ chuyên môn Thạc sỹ, Cử nhân điều dưỡng (Có danh sách kèm theo)

4. Nội dung chuyên môn thực hành:

4.1. Đối tượng Cao đẳng Điều dưỡng

- Thực hiện được quy trình nhận định và ghi chép quá trình bệnh lý các bệnh hô hấp, tim mạch, tiêu hóa thường gặp.
- Thực hiện được các kỹ thuật: tiêm bắp, tiêm trong da, dưới da, test lấy da, tiêm tĩnh mạch, đặt kim luân tĩnh mạch, truyền dịch, truyền máu, sử dụng bơm tiêm điện, máy truyền dịch, lấy bệnh phẩm làm xét nghiệm. Các tư thế nghỉ ngơi trị liệu thông thường, vận chuyển người bệnh, cho người bệnh ăn bằng đường miệng, chườm ấm, cho người bệnh thở oxy, khí dung, vỗ rung dưới sự giám sát của giáo viên lâm sàng hoặc điều dưỡng khoa
- Kiến tập các thủ thuật xâm lấn: hút đờm rãi, đặt sonde dạ dày, rửa dạ dày, hút dịch dạ dày-tá tràng, hồi sinh tim phổi,...
- Giao tiếp tốt với nhân viên y tế, bệnh nhân và người nhà bệnh nhân. Tư vấn giáo dục sức khỏe cho NB khi nằm viện và khi xuất viện.

4.2. Đối tượng Y sỹ chính quy

- Thăm khám, chẩn đoán và đưa ra được hướng điều trị các bệnh: hen phế quản, vàng da sơ sinh, viêm phổi nặng –viêm phổi rất nặng; tràn dịch màng phổi; viêm đường hô hấp trên, thấp tim, viêm cầu thận cấp, hội chứng thận hư tiên phát, viêm đường tiết niệu,....
- Thực hiện được các thủ thuật: Cho BN thở oxy qua sonde, gọng kính; thở máy, thở khí dung, bóp bóng cấp cứu hô hấp, thực hành cân đo ghi biểu đồ tăng trưởng, hồ sơ bệnh án Nhi khoa, lấy bệnh phẩm máu, đờm, nước tiểu làm xét nghiệm; Thực hành tiêm bắp, tiêm TM, truyền dịch tĩnh mạch, truyền máu. Hướng dẫn nuôi con bằng sữa mẹ, ăn sam, ăn nhân tạo,...
- Giao tiếp tốt với nhân viên y tế, bệnh nhân và người nhà bệnh nhân. Tư vấn giáo dục sức khỏe cho NB khi nằm viện và khi xuất viện

5. Thời gian thực hành: Thời gian dự kiến từ 01/08/2022 đến 31/7/ 2025.

6. Địa điểm thực hành: Bệnh viện Nhi Thái Bình.

7. Chi phí thực hành:

- Chi phí thanh toán giờ giảng cho cán bộ giảng dạy, vật tư tiêu hao và quản lý theo đơn giá sau: = 1.500đ/hssv/01 buổi (Trong đó 1.000đ/hssv chi công tác quản lý, giảng dạy trực tiếp tại các khoa, vật tư tiêu hao và 500đ/hssv chi phí quản lý của khoa phòng và bệnh viện).

8. Thời hạn của Hợp đồng đào tạo thực hành: 36 tháng (2022-2025).

9. Chương trình thực hành đã được phê duyệt (có chương trình kèm theo)

10. Tên cơ sở thực hành đáp ứng yêu cầu: Bệnh viện Nhi Thái Bình

Điều 2. Phương thức và thời hạn thanh toán chi phí thực hành (nếu có)

1. Phương thức thanh toán: Chuyển khoản
2. Thời hạn thanh toán: Từ 2022 - 2025

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của Bên A

1. Bên A có quyền:

- a) Bố trí, phân công người hướng dẫn thực hành để hướng dẫn người thực hành thực hành theo đúng các điều khoản ghi trong Hợp đồng.
- b) Chấm dứt Hợp đồng thực hành hoặc các biện pháp xử lý khác nếu cơ sở giáo dục vi phạm các thỏa thuận ghi trong Hợp đồng.
- c) Thu chi phí thực hành theo thỏa thuận với Bên B.
- d) Các quyền khác (nếu có)

2. Bên A có nghĩa vụ:

- a) Bảo đảm các điều kiện thuận lợi để người thực hành được thực hành theo đúng các thỏa thuận ghi trong Hợp đồng.
- b) Bảo đảm giảng dạy đúng nội dung chuyên môn thực hành, tiến độ thực hành đã được thống nhất trong kế hoạch đào tạo thực hành.
- c) Bố trí người thực hành của cơ sở giáo dục tham gia các hoạt động chuyên môn với thời gian phù hợp và chi trả thù lao cho người thực hành theo quy chế chi tiêu nội bộ tại cơ sở.
- d) Bảo đảm quyền lợi của người thực hành theo quy định của pháp luật (nếu có).
- đ) Xác nhận kết quả thực hành của người thực hành theo quy định.
- e) Chịu trách nhiệm về quá trình thực hành của người thực hành tại cơ sở.
- g) Các nghĩa vụ khác (nếu có).

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của Bên B

1. Bên B có quyền:

- a) Được đưa người thực hành của cơ sở mình đến cơ sở thực hành để hướng dẫn thực hành hoặc tham gia các hoạt động chuyên môn với thời gian phù hợp theo thỏa thuận trong Hợp đồng.
- b) Được cung cấp thông tin, kiểm tra về quá trình thực hành của người thực hành tại cơ sở thực hành.
- c) Chấm dứt Hợp đồng thực hành hoặc các biện pháp xử lý khác nếu cơ sở thực hành vi phạm các thỏa thuận ghi trong Hợp đồng (nếu có).
- d) Các quyền khác (nếu có).

2. Bên B có nghĩa vụ:

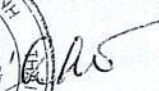
- a) Cung cấp cho Bên A thông tin của người thực hành; kế hoạch đào tạo thực hành của học phần/tín chỉ.
- b) Chi trả chi phí thực hành đầy đủ theo thỏa thuận với Bên A.
- c) Chịu trách nhiệm và xử lý vi phạm đối với người hướng dẫn thực hành của cơ sở mình tham gia hướng dẫn thực hành và hoạt động chuyên môn tại cơ sở thực hành.
- d) Các nghĩa vụ khác (nếu có).

Điều 5. Điều khoản thi hành

1. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký và sẽ hết hiệu lực khi kết thúc thời gian thực hành và các bên đã hoàn thành các nghĩa vụ của Hợp đồng.
2. Hai bên cam kết thực hiện đúng những điều khoản nêu trên, bên nào vi phạm bên đó phải chịu trách nhiệm trước pháp luật. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, nếu xảy ra tranh chấp thì hai bên cùng nhau thương lượng giải quyết, nếu không thống nhất thì đưa ra Tòa án để giải quyết.
3. Hợp đồng này làm thành 06 bản có giá trị pháp lý như nhau, Bên A giữ 03 bản, bên B giữ 03 bản./.

BÊN A
GIÁM ĐỐC

LƯƠNG ĐỨC SƠN

BÊN B
HIỆU TRƯỞNG

NGUYỄN THỊ THU DUNG